

LIST OF FLORA OF CAT TIEN NATIONAL PARK
DANH LỤC THỰC VẬT VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN

	TÊN VIỆT NAM	Ds	Cd
	font: VNI download		
LYCOPODIOPHYTA	I. NGÀNH THẠCH TÙNG		
LYCOPODIACEAE	1. HỌ THẠCH TÙNG		
<i>Huperzia carinata</i> (Poir.) Trevis	Thạch tùng sồng	K	C - T
<i>Huperzia squarrosa</i> (Forst.) Trevis	Thạch tùng vảy	K	T
<i>Huperzia obvalifolia</i> (Bon.)	Thạch tùng xoan ngược	K	C - T
<i>Huperzia phlegmaria</i> (L.) Roth	Râu cây	K	C - T
<i>Lycopodiella cernua</i> (L.) Franco & Vasc	Thạch tùng nghiêng	K	T
<i>Lycopodiella</i> sp.	Thạch tùng	K	T
SELAGINELLACEAE	2. HỌ QUYẾN BÁ		
<i>Selaginella delicatula</i> (Desv) Alst.	Quyến bá yếu	K	T
<i>Selaginella rolandi - principis</i> Alston.	Hoa đá	K	T
<i>Selaginella Willdenowii</i> (Desv.) Baker.	Quyến bá Willdenov	K	T
<i>Selaginella chrysorrhizos</i> Spring	Quyến bá vàng	K	
<i>Selaginella minutifolia</i> Spring	Quyến bá vi điệp	K	
POLYPODIOPHYTA	II. NGÀNH DƯƠNG XỈ		
ADIATACEAE	3. HỌ NGUYỆT XỈ		
<i>Adiantum caudatum</i> L.	Tóc thần đuôi	K	T
<i>Antrophyum coriaceum</i> (D.Don) Wall.	Ráng lưới beo dài	K	
<i>Cheilanthes belangeri</i> (Bory) C. Chr..	Thần mô Belanger	K	
<i>Hemionotis arifolia</i> (Burm.f.) Moore.	Ráng hoan xỉ	K	
<i>Pteris ensiformis</i> (Burm.f.)	Ráng chân xỉ hình gương	K	
<i>Stenochlena palustris</i> (Burm.f.) Bedd.	Dây choại	K	
<i>Taenitis blechnoides</i> (Willd.) Ws..	Ráng đại dục	K	
<i>Vitari ensiformis</i> Ws.	Ráng tô tần đại	K	
<i>Vitari elongata</i> Ws.	Ráng tô tần dài	K	
ANGIOPTERIDACEAE	4. HỌ HIỂN DỤC		
<i>Angiopteris repandulade</i> Vriese.	Ráng hiển dục	K	
ASPLENIACEAE	5. HỌ CÁN XỈ		
<i>Asplenium nidus</i> L.	Ráng ổ phụng	K	
<i>Asplenium wightii</i> Eatoni Hook..	Cán xỉ Wight	K	
<i>Asplenium crinicaule</i> Hance.	Ráng dương xỉ chân có lông	K	
<i>Athyrium nigripes</i> (Bl.) Moore.	Ráng hùng dục chân đen	K	
<i>Diplazium opacum</i> (D.Don.) Copel..	Ráng song quần mịt	K	
<i>Diplazium</i> sp	Ráng song quần chót	K	
BLECHNACEAE	6. HỌ RÁNG DỪA		
<i>Blechnum orientale</i> L..	Ráng dừa đông	K	
CYATHEACEAE	7. HỌ RÁNG TIÊN TỌA		
<i>Cyathea latebrosa</i> (Hook.) Copel..	Tiên tọa rộng	K	C
<i>Cyathea contaminans</i> (Hook.) Copel..	Ráng tiên tọa bản	K	
DAVALLIACEAE	8. HỌ ĐÀ HOA		
<i>Humata heterophylla</i> (Sm.) Desv..	Ráng thổ xỉ dị điệp	K	
<i>Oleandra musifolia</i> (Bl.) Presl.	Ráng trực xỉ lá chuối	K	
DENNSTAEDTIACEAE	9. HỌ LIÊN SƠN		
<i>Lindsaea orbiculata</i> (Lamk.)Mett.ex.kuhn	Ráng liên sơn tròn	K	
<i>Lindsaea javanensis</i> Bl..	Ráng liên sơn Java	K	
DRYOPTERIDACEAE	10. HỌ MỘC XỈ		
<i>Cyclopeltis crenata</i> (fee) C.Chr	Ráng long mô	K	
<i>Dryopteris polita</i> Rosenst	Ráng mộc xỉ thanh	K	
<i>Tectaria variabilis</i> Tard & Ching	Ráng yếm dục thay đổi	K	
<i>Tectaria stenosemioides</i> C.Chr. &Tard	Ráng yếm dục hạt nhỏ	K	
GLEICHENIACEAE	11. HỌ RÁNG TÂY SƠN		

<i>Dicranopteris linearis</i> (Burm.) Underw..	Ráng tây sơn ngang	K	T
<i>Gkichenia truncata</i> (Willd.) Spr..	Ráng tây sơn đoạn	K	
<i>Gkichenia microphylla</i> R.Br..	Ráng tây sơn lá nhỏ	K	
HYMENOPHYLLACEAE	12. HỌ RÁNG MẠC ĐIỆP		
<i>Hymenophyllum poilanei</i> Tard. & C.Chr..	Ráng mạc điệp Pollane	K	
<i>Cephalomanes javanicum</i> (Bl.) Van den Bosch	Ráng dẫu mạc Java	K	
MARSILEACEAE	13. HỌ RAU DỆU		
<i>Marsilea minuta</i> L.	Rau dệu nhỏ	K	
OPHIOGLOSSACEAE	14. HỌ RÁNG XÀ THIẾT		
<i>Helminthostachys zeylanica</i> (L.) Hook.	Ráng trùng glé (Sâm đất)	K	R
PAKERIACEAE	15. HỌ GẠT NAI		
<i>Ceratopteris siliquosa</i> (L.) Copel.	Rau câu trời	K	T
POLYPODIACEAE	16. HỌ RÁNG ĐA TÚC		
<i>Aglaomorpha coronans</i> (Mett.) Copel.	Ráng long cước	K	
<i>Drynaria quercifolia</i> (L.) J.Smith	Ráng đuôi phụng lá sồi	K	C - T
<i>Platynerium grande</i> A. Cunn, ex J.Sm.	Ô rỗng	K	C - T
<i>Pyrrosia stigmosa</i> (Sw.) Ching	Ráng hoà mạc héo	K	
SALVINIACEAE	17. HỌ BÈO TAI CHUỘT		
<i>Salvini cucullata</i> Roxb.	Bèo ong (Bèo tai chuột)	K	
SCHIZEACEAE	18. HỌ BÔNG BONG		
<i>Lygodium japonicum</i> (Thunb.) Sw	Bông bong nhật	K	
<i>Lygodium microstachyum</i> Desv..	Bông bong gié nhỏ	K	
<i>Lygodium microstachyum</i> Desv..	Bông bong lá liễu	K	
<i>Lygodium flexuosum</i> (L.) Sw..	Bông bong dậu	K	
<i>Lygodium scandens</i> (L.) Sw..	Bông bong leo	K	
THYRSOPTERIDACEAE	19. HỌ CÁT TU		
<i>Cibotium barometz</i> (L.) J.E.Sm.	Cầu tích (Lông cu li)	K	T
THLYPTERACEAE	20. HỌ THƯ DỤC		
<i>Cyclosorus philipinarum</i> (Fee) Copel..	Ráng chu quần phi luật tân	K	
<i>Cyclosorus gongyloids</i> (Schkur) Limk.	Ráng chu mô có phù	K	
<i>Pronephrium nudatum</i> (Roxb.) Holtt..	Ráng tiên thận trần	K	
<i>Thelypteris triphylla</i> (Sw.) Iwats..	Ráng thư dục 3 lá	K	
CYCADOPHYTA	III. NGÀNH TUẾ		
CYCADACEAE	21. HỌ TUẾ		
<i>Cycas rumphii</i> Miq..	Thiên tuế (Tuế lá quyết)	K	C - T
<i>Cycas micholitzii</i> .	Thiên tuế lá chẻ	K	C - T
GNETOPHYTA	IV. NGÀNH DÂY GẮM		
GNETACEAE	22. HỌ GẮM		
<i>Gnetum macrostachyum</i> Hook.f.	Gắm chùn to	D	T
<i>Gnetum gnemon</i> L.var.griffithii Margf..	Bét (lá nhíp)	D	T - R
<i>Gnetum gnemon</i> L.var.domesticum (Rumph.) Margf.	Gắm (Bét)	D	T - R
<i>Gnetum latifolium</i> Da. Funiculare (BL.) Margf.	Gắm cong	D	T
<i>Gnetum leptostachyum</i> Bl. Var. elongatum Margf.	Sót	D	T
<i>Gnetum montanum</i> Margf..	Gắm núi	D	T
MAGNOLIOPHYTA	V. NGÀNH HẠT KÍN		
MAGNOLIOPSIDA	LỚP HAI LÁ MẪM		
ACANTHACEAE	23. HỌ Ô RÔ		
<i>Cyclacanthus coccineus</i> Moor.	Luân rô đỏ	T	
<i>Dipteracanthus repens</i> (L.) Hassk..	Song dục (Nổ bò)	C	C
<i>Staurogyne vicina</i> R.Ben..	Thập nhụy gân	C	
<i>Pseuderanthemum palatifirum</i> Radlk.	Xuân hoa	T	
<i>Thunbergia fragrans</i> Roxb..	Cát dăng thơm	D	
<i>Thunbergia grandiflora</i> (Rottl.) Roxb..	Cát dăng hoa to	D	
ACERACEAE	24. HỌ TÍCH TỤ		
<i>Acer erythranthum</i> Gagn.	Tích tụ hoa đỏ	G	

<i>Acer laurinum</i> Hassk..	Tiên thụ lá quế	g	
<i>Acer oblongum</i> Wall.ex.DC..	Tích thụ tròn dài	G	
ALANGIACEAE	25. HỌ QUẢNG		
<i>Alangium chinense</i> (Lour.) Rehd..	Quảng Trung quốc	g	
<i>Alangium kurzii</i> Craib.	Thôi ba (Thôi chanh)	g	T
<i>Alangium salvifolium</i> (L.f.) Wang in Engl..	Quảng lông (Thôi ba)	g	T
AMARANTHACEAE	26.HỌ RAU DẸN		
<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ xước	C	T
<i>Amaranthus spinosus</i> L.	Dền gai	C	R - T
<i>Amaranthus tricolor</i> L.	Dền canh	C	R - T
<i>Amaranthus viridis</i> L.	Dền xanh (Dền cơm)	C	R - T
<i>Aternanthera paronychioides</i> A. St Hilaire.	Diệp bò	C	T
<i>Aternanthera sessilis</i> (L.) A. DC..	Diệp không cuống	C	
<i>Celosia argentea</i> L..	Mào gà trắng	C	T
<i>Cyathula prostrata</i> (L.) Bl..	Cứt dài (Đơn đỏ ngọn)	C	
<i>Gomphrena globosa</i> L..	Cúc bách nhật	C	C
<i>Gomphrena celosioides</i> Mart..	Nổ ngày đất	C	T
ANACARDIACEAE	27. HỌ ĐÀO LỘN HỘT		
<i>Anacardium occidentale</i> L..	Đào lộn hạt	g	T
<i>Allospondias lakonensis</i> (Pierre) Stapf..	Dâu da xoan	G	Q
<i>Buchanania arborescens</i> (Bl.) Bl..	Xoài giả (Chây lớn)	G	C
<i>Buchanania lucida</i> Bl..	Cây sáng (Mà cá)	g	
<i>Choerospondias axillaris</i> (Roxb.) Burt, & Hill	Xuyên cóc	G	Q
<i>Dracuntomelon duperreanum</i> Pierre..	Long cóc (Sấu)	G	Q - T
<i>Melanorrhoea laccifera</i> Pierre..	Sơn tiên (Sơn huyết)	G	T
<i>Melanorrhoea usitata</i> Wall..	Sơn đào	g	T
<i>Mangifera cochinchinensis</i> Engl..	Xoài nục	G	T
<i>Mangifera reba</i> Pierre..	Xoài (Quéo)	G	Q - T
<i>Mangifera minutifolia</i> Evr..	Xoài lá nhỏ (xoài rừng)	G	Q - T
<i>Mangifera ñongnaiensis</i> Pierre..	Xoài Đồng nai	G	Q - T
<i>Rhus javanica</i> L. var <i>Roxburghii</i> (DC.) Redh	Muối (Dã sơn)	g	T
<i>Spondias pinnata</i> (Koenigf & Lf.) Kurz.	Cóc rừng	g	Q - T
<i>Semecapus caudata</i> Pierre..	Sung có đuôi	g	
<i>Semecapus cochinchinensis</i> Engl..	Sung Nam bộ	g	T
<i>Semecapus</i> sp.	Sung SP		
<i>Swintoma maigayi</i>	Xuân tôn Maigay	G	
<i>Swintoma griffithii</i> Kurz.	Xuân tôn	G	
ANISOPHYLLACEAE	28. HỌ BẮT ĐẰNG DIỆP		
<i>Anisophyllea penninervata</i> j.E.Vid..	Bắt đặng điệp	G	
ANCISTROCLADACEAE	29. HỌ TRUNG QUÂN		
<i>Ancistrocladus tectorius</i> (Lour.) Merr..	Trung quân lợp nhà	D	
<i>Ancistrocladus cochinchinensis</i> Gagn..	Trung quân nam	D	
ANNONACEAE	30. HỌ NA		
<i>Alphonsea gaudichaudiana</i> Fin (Baill.) & Gagn.	Thầu lỉnh (An phong)	g	
<i>Alphonsea philastreana</i> (Pierre) Fin. & Gagn.	Thầu lĩ nh nhiều trái	g	
<i>Anomianthusdulcis</i> (Dun) Sinclair	Vô danh hoa	D	
<i>Anaxagorea luzonensis</i> A Gray.	Đầu ngỗng	T	
<i>Annona squamosa</i> L..	Mãng cầu ta	T	Q
<i>Artabotrys intermedius</i> Hassk..	Công chúa trung gian	D	T
<i>Cacanga latifolia</i> (Hook.f.& Thoms) Fin & Gagn.	Công chúa lá rộng	G	T
<i>Cyathostemma wrayi</i> King.	Huyết hùng Wray	D	
<i>Cyathocalys filiformis</i> Art.	Bát dài như chỉ	g	
<i>Dasymaschlon lomeniaceum</i> Fin. & Gagn..	Mao quả có ngắn	T	T
<i>Dasymaschlon macrocalyx</i> Fin. & Gagn..	Mao quả dài to	T	T
<i>Desmos chinensis</i> Luor.	Giẻ Trung Quốc	D	T
<i>Desmos cochinchinensis</i> Luor.	Dây mô giẻ (Giẻ Nam bộ)	D	

<i>Goniothalamus dongnaiensis</i> Fin. & Gagn..	Giác để Đồng nai	T	
<i>Goniothalamus tamirensis</i> Pierre ex Fin. & Gagn.	Giác để Tamir	T	
<i>Mitrephora thorelli</i> Pierre.	Mao dài Thoren	g	
<i>Mitrephora thorelli varbousignonianæ</i> (Pierre.) Fin.	Mao dài Bousigon	g	
<i>Mitrella mesnyi</i> (Pierre)	Cơm nguội	g	
<i>Fissitigma poilenei</i> (Ast.) Tsian & Li.	Cách thủ Poilanne	D	T
<i>Fissitigma polyanthoides</i> (A.D.C) Phamhoang n.c..	Cách thủ da hùng	D	T
<i>Fissitigma villosum</i> (Ast) Merr..	Dây na (Cách thủ có lông)	D	T
<i>Polyalthia cerasoides</i> (Roxb.) Benth. & Hook	Nhọ lá nhỏ (Trái tròn)	g	T
<i>Polyalthia hancei</i> (Pierre) Fin. & Gagn..	Quần đầu Hanneo	g	
<i>Polyalthia harmandii</i> (Pierre) Fin. & Gagn..	Quần đầu Harmand	g	
<i>Polyalthia jucunda</i> (Pierre) Fin. & Gagn..	Nhọ hoa nhỏ (Mã trình)	g	
<i>Polyalthia lauii</i> Merr.	Quần đầu lau	g	
<i>Polyalthia longifolia</i> var. Pendula	Huyền diệp (Hoàng nam)	g	C
<i>Polyalthia luensis</i> (Pierre) Fin. & Gagn..	Quần đầu sông lu	g	
<i>Polyalthia therelli</i> (Pierre) Fin. & Gagn..	Nhọc Thorel	g	
<i>Polyalthia viridis</i> Craib..	Nhọc (Quần đầu xanh)	G	
<i>Rauwenhoffia siamensis</i> Scheff.	Dủ dẻ	g	T
<i>Sageraca elliptica</i> (A.D.C) Hook. & Thoms..	Săng mây	g	
<i>Uvaria cordata</i> (Dun.) Wall . Ex Alston.	Bồ quả lá to	g	
<i>Uvaria flexuosa</i> Ast.	Bồ quả cong queo	D	T
<i>Uvaria grandiflora</i> Roxb..	Chuối con trống	D	T
<i>Uvaria hamiltonii</i> Hook.f & Thoms..	Bồ quả Hamilton	D	
<i>Xylopia vielana</i> Pierre ex Fin & Gagn.	Gền đỏ	g	T
<i>Xylopia pierrei</i> Hance.	Giến trắng (Giến)	g	T
APIACEAE	31. HỌ HOA TÁN		
<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	Rau má	D	T
APOCYNACEAE	32. HỌ TRÚC ĐÀO		
<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br..	Hoa sữa (Mò cua)	G	T
<i>Alstonia spathulata</i> L..	Sữa lá nhỏ (Móp)	G	T
<i>Aganosma acuminata</i> (Roxb.) G. Don..	Chè long	g	
<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G. Don..	Bông dừa hoa đỏ	C	T
<i>Catharanthus roseus</i> var <i>alba</i> Hort.	Bông dừa hoa trắng	C	T
<i>Holarrhena pubescens</i> (Buch.Ham.) Wall..	Mức trâu (Hồ tiên to)	g	T
<i>Hunteria zeynanica</i> (Retz.) Gardn. & Thw	Bên bai	g	T
<i>Kibatalia laurifolia</i> (Ridl.) Woods..	Thần linh lá quế	G	T
<i>Kopsia lancibracteolata</i> Merr..	Cốp lá hoa thon	T	
<i>Neruum oleander</i> L..	Trúc đào	T	C - T
<i>Odontadenia macrantha</i> (Roem. & Sch.) Markgr..	Tuyết nha	D	C
<i>Plumeria obtusa</i> L..	Đại lá tà	g	C
<i>Pottsia grandiflora</i> Markgr..	Dây cao su	D	T
<i>Tabernacmontana luensis</i> Pierre. Ex Pit..	Lài trâu (Núi tu)	T	T
<i>Tabernacmontana corymbosa</i> Roxb. Ex Wall..	Lài trâu tụ tán	T	T
<i>Tabernacmontana pandacaqui</i> Poirret..	Lài trâu	T	T
<i>Willughberia cochinchinensis</i> Pierre.	Guổi	D	Q
<i>Winchia calophylla</i> ADC.	Móp lá dẹp	G	
<i>Wrightia annamensis</i> Eb.& Dub..	Lồng mức Trung bộ	T	T
<i>Wrightia dubia</i> (Sims) Spreng.	Lồng mức ngở	T	T
<i>Wrightia pubescens</i> R. Br. Subsp. Lnata. (Bl.) Ugin	Thùng mức lông	g	
<i>Wrightia religiosa</i> (Teisim . & Binn.) Hook.f..	Mai chấn thủy	T	C
AQUIFOLIACEAE	33. HỌ NHỰC RUỒI (BUI,		
<i>Lex annamensis</i> Tard..	Bùi Trung bộ	T	T
<i>Lex condorensis</i> Pierre.	Bùi Côn sơn	g	T
<i>Lex crenata</i> Thunb..	Bùi (Nhựa ruổi) cò răng	g	G
<i>Lex cymosa</i> thorel Holly.	Bùi tù tán	g	T
<i>Lex godajam</i> Colebr..	Bùi gò dâm	G	T

<i>Lex macrocarpa</i> Oliv..	Bùi trái to	T	T
<i>Lex wallichii</i> Hook.f..	Bùi Wallich	g	T
ARALIACEAE	34. HỌ NGŨ GIA BÌ		
<i>Aralia armata</i> Seem.	Đình lăng gai	T	T
<i>Schefflera elliptica</i> (Bl) Harms.	Chân chim bầu dục	D	T
<i>Schefflera leroyana</i> Shang.	Chân chim Leroy	g	T
<i>Schefflera leucantha</i> R.Vig..	Chân chim hoa trắng	D	T
<i>Schefflera octophylla</i> (Lour.) Harms.	Chân chim tám lá	g	T
ASCLEPIADACEAE	35. HỌ THIÊN LÝ		
<i>Campestigna purpurca</i> Pierre.ex Cost	Kiền	D	
<i>Dischidia mummularia</i> R. Br ..	Song lý tiền (Mộc tiền nhỏ)	D	T
<i>Dischidia hirsuta</i> (Bl) Dene..	Song lý lông phún	Ps	
<i>Dischidia pseudobengalensis</i> Cost..	Mộc tiền (Song lý Bengal)	Ps	
<i>Dischidia major</i> (Vahl) Merr..	Song lý to (Mộc tiền vảy ốc)	Ps	
<i>Dischidia imbricata</i> (Bl) Dene..	Mộc tiền to	Ps	T
<i>Hoya oblongacutifolia</i> Cost..	Hồ da lá tròn dài nhọn	Ps	T
<i>Hoya macrophylla</i> Bl..	Hồ da lá to (Lưỡi trâu)	Ps	T
<i>Hoya obovata</i> Dene. In DC..var.obovat	Hồ da xoan ngược	Ps	T
<i>Hoya carnosa</i> R. Br..	Hồ da thịt	Ps	
<i>Streptotadium griffithii</i> Hook.F..	Hà thủ ô trắng	D	T
<i>Telectadium dongnaiensis</i> Pierre.ex Cost	Vệ tuyến	T	T
<i>Telectadium edule</i> Baill.	Vệ tuyến ngọt	T	T
<i>Streptocaulon juvenas</i> (Lour.)Merr			
<i>Streptocaulon kleinnii</i> W.& Arn.			
ASTERACEAE	36. HỌ CÚC		
<i>Agratum conyzoides</i> L..	Cỏ cứt lợn	C	T
<i>Dichrocephala integrifolia</i> (L.f.) O.Kize.	Rau chuối	C	
<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L..	Nhọ nôi (Cỏ mực)	C	T
<i>Elephantopus scsber</i> L..	Chân voi nhám	C	
<i>Emilia sonchifolia</i> (L.) DC..	Rau má lá rau muống	C	T
<i>Erechtites valerianifolia</i> (Wolt)DC..	Rau tàu bay (Hoàng thất)	C	R - T
<i>Eupatorium odoratum</i> L..	Cỏ lào (Yến bạch)	C	T
<i>Grangca maderaspatana</i> (L.) Poir..	Cải đồng (Rau cóc)	C	T
<i>Gynura procumpens</i> (Lour.) Merr..	Bầu đất (Kim thất)	C	
<i>Inula polygonata</i> DC..	I - nu nhiều cạnh	C	
<i>Spilanthes iabadacensis</i> A.H.Moore.	Cúc áo hoa vàng (Kim hoa)	C	
<i>Synedrella nodiflora</i> (L.) Gaertn	Bọ xít (Cúc bọ xít)	C	
<i>Vernonia cinerea</i> (L.) Less.	Cúc hoa tím (Bạch đầu ông)	C	T
<i>Vernonia arborea</i> Buch. Ham. Var javanica Bl	Bông bạc	g	
<i>Tithonia diversifolia</i> (Hemsl.) A. Gray.	Quỳ dại (Sơn qui biển diệp)	T	
<i>Tridax procunpens</i> L..	Cúc mai (Thu thảo)	C	
<i>Wedelia biflora</i> (L.) DC..	Sơn cúc hai hoa	C	
<i>Wedelia montana</i> (Bl.) Boerl. Var. Wallichii less..	Sơn cúc núi	C	
<i>Blumea lacera</i> (Burm.f)DC			
BALSAMINACEAE	37. HỌ MÓNG TAY		
<i>Impatiens annamensis</i> Tard..	Móng tay Trung bộ	C	
<i>Impatiens rara</i> Tard..	Móng tay hiếm	C	
BEGONIACEAE	38. HỌ THU HẢI ĐƯỜNG		
<i>Begonia integrifolia</i> Dalz.	Thu hải đường lá nguyên	C	T
<i>Begonia rex</i> Putz..	Thu hải đường vua	C	T
BIGNONIACEAE	39. HỌ CHÙM ỚT (Quao)		
<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem.ex Schum.	Đình lá bẹ	g	T
<i>Markhamia stipulata var Pierre</i> (Dop) Sam..	Tho đo (kê đuôi nhông)	g	T
<i>Oroxylon indicum</i> (L.) Vent..	Núc nác (Sò đo)	G	T
<i>Stereospermum colais</i> (Dillw.)	Quao núi	G	T
<i>Stereospermum cyliindricum</i> Piere ex Dop	Quao trụ (Quao vàng)	G	T

BIXACEAE	40. HỌ SIÊM PHỤNG		
<i>Bixa orellana</i> L..	Điều nhuộm (Siêm phụng)	g	C - T
BOMBACACEAE	41. HỌ GẠO (GÒN)		
<i>Bombax ceiba</i> L.	Gạo rừng (Gòn rừng)	G	T
<i>Ceiba pentandra</i> (L.) Gaertn>	Gòn ta	G	T
BORAGINACEAE	42. HỌ VÒI VOI		
<i>Coldenia procumbens</i> L..	Cáp điển bò	C	
<i>Heliotropium indicum</i> L..	Vói voi	C	T
<i>Rotula aquatica</i> Lour..	Rì rì cát	T	
BURSERACEAE	43. HỌ TRÁM (CÀ NA)		
<i>Canarium album</i> (Lour) Raensch . Ex DC.	Trám trắng	G	T - D
<i>Canarium lyi</i> Dai & Yakoi..	Trám lý	G	T
<i>Canarium trandenum</i> Dai & Yakoi..	Trám đen (Bùì)	G	T - D
<i>Canarium subulatum</i> Guill..	Trám múi nhọn	G	D - T
<i>Canarium sp.</i>	Cà na	g	D - T
<i>Dacryodes dungii</i> Dai & Yakoi..	Xuyên mộc dung	G	
<i>Garruga pierreii</i> Guill	Chua luy (Cốc đá)	g	T
<i>Garruga pinnata</i> Roxb..	Dầu heo	G	T
CAPPARACEAE	44. HỌ MÀN MÀN (CÁP)		
<i>Capparis radula</i> Gagn..	Cáp (Bán nao)	D	T
<i>Capparis acutifolia sub sp.obovata.</i>	Cáp xoan ngược	T	T
<i>Capparis acuminata</i> Willd..	Cáp có múi	D	T
<i>Capparis micrantha</i> DC. Subsp.Korthalsiana Miq	Cáp gai nhỏ	D	T
<i>Capparis henryimatum.</i>	Cáp Henry	T	T
<i>Capparis pyrifolia</i> Lamk..	Cáp lá xá xỉ	D	T
<i>Capparis tonkinensis</i> Gagn..	Cáp bắc bộ	D	T
<i>Capparis sp.</i>	Cáp	D	
<i>Cleome chelidonii</i> L.f..	Màn màn tím	C	R - T
<i>Cleome viscosa</i> L..	Màn màn vàng	C	R - T
<i>Crateva nurvala</i> Buch . Ham..	Bún	g	R - T
<i>Crateva adamsonis</i> DC..	Bún trái đỏ (Mắt núi)	g	T
CARICACEAE	45. HỌ ĐU ĐỦ		
<i>Carica papaya</i> L..	Đu đủ	T	Q - T
CARDIOPTERIDACEAE	46. HỌ TI DỤC		
<i>Cardiopteris quinqueloba</i> Hassk..	Ti dục năm thùy	D	
CELASTRACEAE	47. HỌ CHÂN DANH		
<i>Arnicratca cambodiana</i> (PierreP) N. Hall..	Xăng dùm cãm bốt	D	
<i>Euonymus chinensis</i> Benth..	Chân danh Trung quốc	g	
<i>Glyptopetalum thorelii</i> Pit..	Xân cách Thorel (Xăng đá)	T	
<i>Lophopetalum wallichii</i> Kurz..	Bồng (Xăng)	G	
<i>Lophopetalum wightianum</i> Arn..	Ba khía	G	
<i>Salacia dongnaiensis</i> Pierre.	Chóp máu Đồng nai	D	
CERATOPHYLLACEAE	48. HỌ KIM NGỰ		
<i>Ceratophyllum demersum</i> L..	Kim ngư đuôi chồn	Ts	T
CHLORANTHACEAE	49. HỌ SÓI		
<i>Chloranthus erectus</i> (Benth. & Hook.f.) Verde..	Sói đứng	C	
CLUSIACEAE	50. HỌ BÚA		
<i>Calophyllum thorelli</i> Pierre.	Công mù u (Công sữa)	G	T
<i>Calophyllum calata</i> L. var. Bracteatum (Wgt) Stevas	Công tia	G	
<i>Calophyllum ceriferum</i> Gagn.ex Stevensis	Công (chôi)	T	
<i>Calophyllum pisiferum</i> Pl..ex.Triane	Công dây	T	
<i>Calophyllum dongnaiense</i> Pierre.	Công nước	G	
<i>Calophyllum tetrapterm</i> Miq..	Vây ốc	g	
<i>Cratoxylon formosum</i> (Jack.) Dyer.	Thành gạch đẹp	g	T
<i>Cratoxylon formosum subp pranifotium</i> (Kur) Gog..	Đỏ ngon	T	T

<i>Cratoxylon cochinchinensis</i> (Lour) Bl..	Thành ngạch nam	g	T
<i>Cratoxylon maingayi</i> Dyers inHook.f..	Thành ngạch	T	T
<i>Garcinia ferrea</i> Pierre.	Rối mật	g	T
<i>Garcinia xanthochymus</i> Hook.f..	Bứa mũ vàng	g	T
<i>Garcinia benthami</i> Pierre.	Bứa Bentham	G	T
<i>Garcinia fusca</i> Pierre..	Bứa lửa	g	T
<i>Garcinia vilersiana</i> Pierre.	Bứa lá to (vàng nhựa)	g	T
<i>Garcinia harmandii</i> Pierre.	Bứa mọi	g	T
<i>Garcinia oliveri</i> Pierre.	Bứa núi	G	T
<i>Garcinia merguensis</i> Wight.	Sơn vé	g	T
<i>Garcinia lanessanii</i> Pierre.	Bứa Lanessan	g	T
<i>Garcinia</i> sp.	Bứa	g	
<i>Mesua floribunda</i> (Wall.) Kosterm..	Vấp nhiều hoa	G	T
<i>Mesua ferrea</i> L..	Vấp Mesua	g	T
<i>Mesua ferruginca</i> (Pierre) Kosterm..	Vấp sét	G	T
<i>Ochrocarpus siamensis</i> T. Anders..	Trau trấu	G	
COMBRETACEAE	51. HỌ BÀNG		
<i>Anogeissus acuminata</i> (DC.) Guill. Ferr..	Chò nhai (Râm)	G	T
<i>Calycopteris floribunda</i> (Roxb.) Lamk.	Dực dài	D	T
<i>Combretum latifolium</i> Bl.	Quỳnh tàu	D	T
<i>Combretum quadrangulare</i> Kurz..	Chun bầu	g	T
<i>Combretum trifoliatum</i> Vent..	Chun bầu ba lá	D	T
<i>Combretum polisum</i> Roxb..	Chun bầu lông	D	T
<i>Quigralis indica</i> L..	Dây giun	D	
<i>Terminalia calamansana</i> (Bl.) Rolfe..	Chiêu liêu nước	G	T
<i>Terminalia catappa</i> L.	Bàng	g	T - C
<i>Terminalia bellirica</i> (Gaertn.) Roxb..	Bàng hôi	G	
<i>Terminalia coeticosa</i> Pierre.ex.Lan.	Chiêu liêu ổi (Xén ổi)	G	T
<i>Terminalia chebula</i> Retz..	Xăng (Tiểu)	g	T
<i>Terminalia citrina</i> (Gaertn) Roxb . Ex. Flem.	Chiêu liêu lông	G	T
<i>Terminalia triptera</i> Stapf..	Chiêu liêu nghệ	G	T
CONNARACEAE	52. HỌ DÂY KHẾ		
<i>Connarus paniculatus</i> Raxb. Var paniculatus	Dây quả giùm	D	
<i>Connarus cochinchinensis</i> Pierre.	Lóp bắp	D	T
<i>Rourea minor</i> (Gaertn.) Aubl. Subsp.	Tróc cầu (Dóc chó)	D	
<i>Rourea minorsubsp microphylla</i> (H.F.A.) Vid..	Dây lửa (Dây khế)	D	T
CONVOLVULACEAE	53. HỌ BÌM BÌM		
<i>Aniseia martinicensis</i> (Jacq.) Choisy.	Bìm nước	D	
<i>Argyreia capitata</i> (Vahl) Choisy.	Thảo bạc đầu	D	T
<i>Argyreia mekongensis</i> Gagn & Courch..	Thảo bạc cừu tạp	D	
<i>Ipomoea aquatica</i> Forssk..	Rau muống	D	T
<i>Ipomoea involucrata</i> Beaov..	Bìm nón	D	T
<i>Ipomoea obscura</i> (L.) Ker.Gawl..	Bìm mỡ	D	T
<i>Ipomoea pestigridis</i> L.	Bìm chân cạp	D	T
<i>Ipomoea congesta</i> R. Br..	Bìm tím	D	T
<i>Lepistemon binectariferum</i> (Wall.) O. Ktu.	Lân hùng hai tuyến	D	
<i>Merremia vitifolia</i> (Bern.f) Hall.f..	Bìm lá nhỏ	C	T - R
<i>Merremia hederaceae</i> (Bern.f.) Hall...f	Bìm vàng	D	T
<i>Merremia gemella</i> (Bern.f.) Hall...f	Song trí (Bìm đôi)	D	T
<i>Neuropeltis racemosa</i> Wall . In Roxb.	Cà tang	D	
<i>Operculia petaloidea</i> (Choid.) var Costa.	Bìm cánh hoa	D	
<i>xenostegia tridentata</i> (L.) Austin.& Staples.	Bìm ba răng	D	T
CRYPTERONIACEAE	54. HỌ LÔI		
<i>Crypteronia paniculata</i> Bl.var affinis (Bl.) Bus..	Lôi	G	T
CUCURBITACEAE	55. HỌ BẦU BÍ		
<i>Benincasia hispida</i> (Thunb.) Cogn..	Bí đao	D	T

<i>Coccinia grandis</i> (L.) Voigt..	Bát	D	T
<i>Cacubita maxinta</i> Duch . Ex Lam..	Bí đỏ	D	T
<i>Gymnospetalum cochinchinensis</i> (Lour) Kurz..	Cứt quạ	D	R
<i>Lagenaria siceraria</i> (Mol.) Stadley.	Bầu	D	R - T
<i>Laffa cylindrica</i> (L.) M.j.Roem..	Mướp	D	R - T
<i>Momordica charantica</i> L..	Mướp đắng (Khổ qua)	D	T - R
<i>Taladiantha simensis</i> Craib.	Khổ áo	C	
<i>Trichosanthes tricuspidata</i> Lour..	Lâu xác (Reto)	D	
<i>Trichosanthes kirilowimaxim..</i>	Qua lâu	D	
<i>Trichosanthes rubriflos</i> Cayla.	Hồng bì	D	T
CUSCUTACEAE	56. HỌ TỚ HỒNG		
<i>Cuscuta australis</i> R.Br..	Tớ hồng nam	Ps	T
DATISACEAE	57. HỌ THUNG (TUNG)		
<i>Tetrameles nudiflora</i> R.Br.	Thung	G	T
DILLENACEAE	58. HỌ SỔ		
<i>Dillenia scabrella</i> (D.Don.) Roxb..	Sổ nhám	g	C
<i>Dillenia indica</i> L..	Sổ ấn (Sổ bà)	g	C
<i>Dillenia turbitana</i> Fin & Gagn..	Sổ con quay (Bông vù)	g	
<i>Dillenia hookeri</i> Pierre.	Sổ Hooker (Sổ mềm)	T	
<i>Tetracera loureiri</i> (Fin.f. Gagn.) Craib.	Chặc chiu (Tứ giác)	D	T
<i>Tetracera scandens</i> (L.) Merr..	Dây chiu (Tú giác leo)	D	T
DIPTEROCARPACEAE	59. HỌ DẦU		
<i>Anisoptera costata</i> Kortn..	Vên vên	G	C
<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb.	Dầu nước (Dầu rái)	G	D
<i>Dipterocarpus baudii</i> Koentn..	Dầu Baud	G	D
<i>Dipterocarpus costatus</i> Gaertn..	Dầu mít	G	D
<i>Dipterocarpus dyeri</i> Pierre.	Dầu song nàng	G	D
<i>Dipterocarpus intricatus</i> Dyer.	Dầu trai (Dầu lông)	G	D
<i>Dipterocarpus obtusifolius</i> Teysm..	Dầu đỏ (Dầu trà beng)	G	D - T
<i>Dipterocarpus turbinatus</i> Gaertn.f..	Dầu con rái đỏ (Lá bóng)	G	D - T
<i>Hopea odorata</i> Roxb.	Sao đen	G	C - T
<i>Shorea guiso</i> (Blco.) Bl..	Chai (Bò bò)	G	T
<i>Shorea roxburghii</i> G. Don.	Xén đỏ (Xén mú)	G	T
<i>Shorea hypochra</i> Hance..	Vên vên hộp	G	
<i>Shorea thorelii</i> Pierre.	Chai Thorel	G	D - T
<i>Shorea obtusa</i> Wall..	Cà chí (Cà chắc)	G	T
<i>Vatica odorata</i> (Subsp.) Sym.	Làu tấu trắng	G	
DROSERACEAE	60. HỌ TRƯỜNG LỆ		
<i>Drosera burmanni</i> Vahl.	Trường lệ (Cỏ bắt ruồi)	C	
EBENACEAE	61. HỌ THỊ		
<i>Diospyros apiculata</i> Hieron..	Thị đen (Lộ nổi)	g	T
<i>Diospyros lancaefolia</i> Roxb..	Săng đen	G	T
<i>Diospyros crumenata</i> Thw..	Xang đen (Thị da)	g	Q - T
<i>Diospyros frutescens</i> Bl.	Thị roi	g	T
<i>Diospyros castanca</i> (Craib) Fletches.	Thị dẻ	g	T
<i>Diospyros rubra</i> Lec. .	Thị đỏ	g	T
<i>Diospyros silvatica</i> Roxb..	Thị núi (Thị rừng)	G	T
<i>Diospyros caulifolia</i> Bl..	Đồ an hoa ở thân	g	T
<i>Diospyros brandisiana</i> Kurz..	Đồ an (thị)	g	T
<i>Diospyros mollic</i> Griff.	Mặc nưa	g	T
<i>Diospyros longipedicellata</i> Lec..	Thị lông (Thị cọng dài)	g	T
<i>Diospyros maritina</i> Bl..	Vàng nghệ (Cẩm thị)	g	T
<i>Diospyros hasseltii</i> Zoll..	Thị Hasselt	g	T
<i>Diospyros buxifolia</i> (Bl.) Hieron..	Săng hột (Dán bà)	G	
<i>Diospyros bejaudii</i> Lec..	Thị Bejaud	g	T
ELAEOCARPACEAE	62. HỌ CÔM		

<i>Elaeocarpus tectorius</i> (Lois) Poir..	Chan chan (Côm Đồng nai)	g	
<i>Elaeocarpus lanceifolius</i> Roxb..	Côm lá thon	g	
<i>Elaeocarpus petelotii</i> Merr..	Côm Petelot	g	
<i>Elaeocarpus bidoupensis</i> Gagn..	Côm bồ đức	g	
<i>Elaeocarpus hainamensis</i> Oliv.in Hook..	Côm Hải nam (Rì rì)	g	
<i>Elaeocarpus petiolatus</i> (Jack.) Wall.ex Kurz..	Côm có cuống (Lôm côm)	g	C
<i>Elaeocarpus harmandii</i> Pierre..	Côm Harmand	g	
ELATINACEAE	63. HỌ ĐÀN THẢO		
<i>Bergia ammanioides</i> Roxb..	Biệt gia (Ruộng cày)	C	
ERICACEAE	64. HỌ ĐỒ QUYÊN		
<i>Vaccinium</i> Sp.	Triết (Sơn trâm)	T	
EUPHORBIACEAE	65. HỌ THẦU DẦU		
<i>Acalypha indica</i> L..	Tai tượng ấn	C	
<i>Actephila exzcesa</i> var <i>acuminata</i> Airy Shaw.	Háo duyên	T	T
<i>Alchornia rigosa</i> (Lan.) Muell. Arg..	Bọ nẹt (Đom đóm)	T	T
<i>Antidesma acidum</i> Retz.	Chòi mòi	T	T
<i>Antidesma poilanei</i> Gagn..	Choòi mòi Poilane	T	T
<i>Antidesma bunius</i> Spreng.	Chòi mòi nhọn	T	T
<i>Antidesma montanum</i> Bl..	Chòi mòi núi	T	T
<i>Antidesma colletii</i> Craib..	Chòi mòi Colet	T	T
<i>Antidesma cochinchinensis</i> Gagn..	Chòi mòi nam	T	T
<i>Antidesma subbicolor</i> Gagn..	Chòi mòi hai mài	T	T
<i>Antidesma japonica</i> var <i>robusta</i> Airy - Shaw.	Sang sé	T	T
<i>Antidesma japonica</i> Sieb. & Zucc.	Chòi mòi Ja va	T	T
<i>Antidesma henryi</i> Pax & Hoffin..	Chòi mòi Henry	T	T
<i>Antidesma ghaesembilla</i> Gaertn..	Chòi mòi (Chua mòi)	T	T
<i>Antidesma gracile</i> Hemsl..	Chòi mòi mảnh	T	T
<i>Antidesma</i> Sp.	Chòi mòi	T	
<i>Aporusa dioica</i> (Roxb.) Mull..	Tai ghé biệt chu	T	T
<i>Aporusa planechoniana</i> H. Baill.ex Muell.	Thầu tấu Planechon	T	T
<i>Aporusa wallichii</i> Hook.f.& Thomss..	Tai ghé Wallich	g	T
<i>Aporusa serrata</i> Gagn.	Tai ghé răng	g	T
<i>Aclephila subsessilis</i> Gagn..	Da gà	g	
<i>Baccaurea ramiflora</i> Luor.	Dâu ta (Dâu gia)	T	T
<i>Baccaurea oxycarpa</i> Gagn..	Dâu trái nhọn	g	
<i>Bischofia javaniaca</i> Bl..	Nhội (Bích hợp)	G	T
<i>Breynia angustifolia</i> Hook.f..	Dé (Cù đề)	T	T
<i>Breynia indosiensis</i> Beill.	Dé Đông dương	T	T
<i>Breynia fruticosa</i> Beille..	Bồ cu vẽ (Dé bụi)	T	T
<i>Breynia vitisidaca</i> (Borm.) C.E.C.Fischer.	Cù đèn đỏ	T	T
<i>Bridelia balansae</i> Tutcher.	Đỏm Balanse (Thô mật gai)	g	T
<i>Bridelia monoica</i> (Lour.) Merr.	Thổ mật (Đỏm lông)	g	R - T
<i>Bridelia harmandii</i> Gagn..	Đỏm Harmand	T	T
<i>Claoxylon indicum</i> (Bl.) Endl.	Lộc mại (Bù lốt)	g	T
<i>Cleistanthus hirsutulus</i> Hook.f..	Cách hoa phún	g	T
<i>Cleistanthus myrianthus</i> (Hassk.) Kurz.	Cách nhiều hoa (cọc rào)	g	T
<i>Cleistanthus pierre</i> (Gagn.) Croiz.	Cách hoa Pierel	g	T
<i>Cleistanthus sumatranus</i> (Miq.) Muell..Arq..	Cách hoa Sumatra	T	T
<i>Cleistanthus indochinensis</i> Merr.ex.Croiz.	Cách hoa Đông dương	T	T
<i>Cleidion spiciflorum</i> (Borm.) Merr.	Cơm gào (Mỏ chim)	T	
<i>Croton caudatis</i> Geisel..	Bã dậu (Cù đèn đuôi)	T	T
<i>Croton poilanei</i> Gagn..	Bã dậu Poilane	T	T
<i>Croton dongnaiensis</i> Pierre.ex Gagn.	Cù đèn Đồng nai	T	T
<i>Croton roxburghianus</i> Bal..	Cù đèn Roxburgh	T	T
<i>Croton threlii</i> Gagn..	Cù đèn Thorel	T	T
<i>Deutzianthus tonkinensis</i> Gagn..	Mó	g	

<i>Drypetes bienhoaensis</i> Gagn..	Sáng trắng Biên hòa	g	T
<i>Drypetes thorelii</i> Gagn..	Sáng trắng Thorel	g	T
<i>Erismanthus siensis</i> Oliv..	Mao hoa tàu	T	
<i>Euphorbia hirta</i> L..	Cỏ sữa lông	C	T
<i>Euphorbia sessiliflora</i> Roxb..	Cỏ sữa lá không cuống	C	C - T
<i>Excoecaria oppositifolia</i> Griff..	Trao tráo lá đối	g	T
<i>Glochidion rubrum</i> Bl..	Bột ếch (Sóc đỏ)	T	T
<i>Glochidion eriocarpum</i> Champ..	Bồn bột (Sóc trái có lông)	g	
<i>Glochidion</i> Sp.	Sóc	g	
<i>Homonnoia riparia</i> Lour..	Rủ rì	T	T
<i>Hymenocardia Wallichii</i> Tulasne.	Mạc tâm	T	
<i>Macaranga denticulata</i> (Bl.) Muell.Arg.	Ba soi (Mã rạn rặng)	g	T
<i>Macaranga tanarius</i> (L.) Muell.Arg.	Mã rạn (Ba soi)	T	T
<i>Macaranga trichocarpa</i> (Reichb.& Zoll.) Muell.Arg	Mã rạn trái có lông	T	T
<i>Macaranga indica</i> Wighr.	Mã rạn ấn	g	T
<i>Macaranga triloba</i> (Bl.) Muell - Arg..	Long màng	g	T
<i>Mallutus philippensis</i> (Lamk.) Muell.Arg.	Cách kiến (Ba chia)	g	T
<i>Mallutus paniculatus</i> (Lamk.) Muell.Arg.	Bông bột (Chóc móc)	g	T
<i>Mallutus barbatus</i> Muell.Arg.	Bông bét	g	T
<i>Mallutus thorelii</i> Gagn.in Lec..	Ruối Thorel	T	
<i>Mallutus macrostacgyus</i> (Miq) Muell.Arg.	Ruối đuôi to	T	
<i>Mallutus oblongifolius</i> (Miq) Muell.Arg.	Ruối tròn dài	T	
<i>Mallutus barbatus</i> Muell.Arg.	Ba bét (Bông bét)	T	T
<i>Mallutus opelta</i> Muell.Arg.	Ba bét trắng (Ruống)	g	
<i>Mallutus glabriusculus</i> (Kurz) Pax . & Hoff..	Ruống không lông	T	
<i>Mallutus eberhardtii</i> Gagn..	Ngoát	T	
<i>Mallutus clellandii</i> Hook.f..	Ruối Clelland	T	
<i>Mallutus risinosus</i> (Dl.) Mear	Ruối Resin	g	
<i>Manihot esculenta</i> Crantz.	Sắn (Mi)	T	T
<i>Melanolepis multiglandulosa</i> (Bl.) Reichb.f.& Zoll..	Hắc lân nhiều tuyến	T	
<i>Oligoceras eberhardtii</i> Gagn..	Bản giác (Nơi)	G	
<i>Oligoceras eberhardtii</i>	Bản giác	g	
<i>Pedilanthus tithymaloides</i> (L.) Poit..	Chung rết	P	
<i>Phyllanthus reticulata</i> Poit..	Chùm ruột (Phèn đen)	g	T
<i>Phyllanthus pireyi</i> Beille.	Diệp hạ trâu Pirey	T	
<i>Phyllanthus amarus</i> Schumex Thnu	Chó đẻ thân xanh	C	T
<i>Phyllanthus collinsae</i> Craib.	Diệp hạ trâu Biên hòa	T	T
<i>Phyllanthus</i> sp	Diệp hạ trâu	T	
<i>Phyllanthus embrica</i> L..	Me rừng (Chùm ruột núi)	T	T
<i>Phyllanthus urinaria</i> L..	Chó đẻ (Rặng cua)	C	T
<i>Phyllanthus welwitschianus</i> Muell.Arg.	Vây ốc	T	
<i>Ricinus communis</i> L..	Thầu dầu	T	D
<i>Sapium discolor</i> (Benth.) Muell.Arg.	Sòi tía (Sói bac)	g	C
<i>Sapium insigne</i> (Royle.) Benth.& Hook.f.	Sòi đặc biệt	g	
<i>Sauropus pierrei</i> (Beille) Croizat	Bồ ngót Pierrei	T	T
<i>Sauropus macranthus</i> Hassk..	Bồ ngót (Bồ ngót hoa to)	T	
<i>Sauropus heteroblastus</i> Airy. Shaw..	Bồ ngót di khánh	T	
<i>Securinega virosa</i> (Wild.) Pax & Hoff..	Bông nổ trắng	T	
<i>Securinega spirei</i> (Beille) Phamhoanç	Kim mộc Spire	T	
<i>Suregada glomerulata</i> H. Baill.	Mân mây (Kén sơn chụm)	g	T
<i>Suregada multiflora</i> (Juss) H. Baill..	Cổ ngỗng (Kén)	g	T
<i>Trigonostemon poilanei</i> Gagn..	Tam thụ hùng Poilane	T	
<i>Trigonostemon capitellatus</i> Gagn..	Tam thụ hùng đầu nhỏ	T	
<i>Trigonostemon gaudichaudi</i> (H.Baill.)Mue -Arg	Tam thụ hùng Gaudichaud	g	
FABACEAE	66. HỌ ĐẬU		
CAESALPININOIDEAE	66 A. HỌ PHỤ ĐẬU		

<i>Azelia xylocarpa</i> (Kusz.) Craib.	Cà te (Gỗ đỏ)	G	Q - T
<i>Bauhinia saigonensis</i> Pierre . ex Gagn	Móng bò Sài gòn	D	
<i>Bauhinia bracteata</i> (Benth.) Baker.Subsp.Bracteata	Móng bò cánh dơi	D	
<i>Bauhinia cardinale</i> Pierre . ex Gagn.	Móng bò đỏ	D	
<i>Bauhinia curtis</i> Prain.	Móng bò Curtis	D	
<i>Bauhinia glauca</i> (Benth.) Benth. subsptenuiflora (C.B.Cl.) K. & S.S.Lars..	Móng bò mốc	D	
<i>Bauhinia godefroyi</i> Gagn.	Móng bò Godefroy	D	
<i>Bauhinia involucrans</i> Gagn.	Móng bò tổng bao	D	
<i>Bauhinia oenata</i> Kur.var .Ornata	Móng bò diên	D	T
<i>Bauhinia scandens</i> L. var. Horsfieldii (Miq) S.& K	Móng bò leo	D	
<i>Caesalpinia mimosoides</i> Lamk.	Điệp trinh nữ (Móc mèo)	D	T
<i>Caesalpinia andamaniaca</i> (Prain.) Hatt..	Điệp Andaman	D	T
<i>Caesalpinia hymenocarpa</i> (Prain.) Hatt..	Lép mèo	D	
<i>Caesalpinia pubescens</i> (Des.f.) Hatting.	Me tiên	D	
<i>Cassia agnes</i> (De Wit) Brenan.	Muồng Java (Muồng hương)	g	C
<i>Cassia mimosoides</i> L..	Muồng trinh nữ	C	T
<i>Cassia alata</i> L..	Muồng trâu	T	T
<i>Cassia leschenaultiana</i> A.P de Cand..	Muồng cổ bình	C	T
<i>Cassia grandis</i> L.f..	Ô môi (Bò cạp nước)	g	T
<i>Cassia siamea</i> Lamk..	Muồng đen (Muồng xiêm)	g	T
<i>Cassia punila</i> Lamk..	Muồng lùn	C	T
<i>Cassia tora</i> L.	Thảo quyết minh	C	T
<i>Cassia bicapsularis</i> L..	Muồng me (Muồng 2 nanh)	T	T
<i>Cassia sophora</i> L..	Muồng ngọt	C	T
<i>Cassia hirsuta</i> L..	Muồng lông	C	T
<i>Cassia</i> sp.	Muồng	T	
<i>Cynomena glomerulata</i> Gagn..	Mót trám	g	
<i>Delonix regia</i> (Hook.) Raf..	Phượng	G	T
<i>Dialium cochinchinensis</i> Pierre.	Xây	G	Q - T
<i>Peltiphlorum pterocarpum</i> Back. Ex Heyne	Lim xẹt	G	C - T
<i>Peltiphlorum dasyrrachis</i> (Miq.) Kurz.	Lim vàng	G	T
<i>Pterolobium integrum</i> Craib.	Dây dục thù nguyên	D	
<i>Pterolobium microphyllum</i> Miq.	Dục thù lá nhỏ	D	
<i>Sindora siamensis</i> Teysm. Ex Miq.	Gụ mật	G	T
<i>Tamarindus indica</i> L..	Me	G	T
MIMOSOIDEAE	66 B. HỌ PHỤ TRINH NỮ		
<i>Acacia concinna</i> (Willd.) A.DC..	Keo dẹp	D	T
<i>Acacia vietnamensis</i> I. Niels..	Keo việt	G	T
<i>Acacia auriculaeformis</i> A.Cunn.ex Benth..	Keo bông vàng	g	T
<i>Acacia dongnaiensis</i> Gagn..	Chu biển (Keo đồng nai)	D	
<i>Acacia magium</i> Willd.	Keo đại (Keo tai tượng)	G	T
<i>Adenantha pavonica</i> L..	Trạch quạch	G	T
<i>Albizia myriophylla</i> Benth..	Sống rắn nhiều lá	D	
<i>Albizia procera</i> (Roxb.) Benth..	Sống rắn dài (Mu cua)	g	T
<i>Albizia crassiramea</i> Lace.	Sống rắn nhánh dày	G	
<i>Albizia chinensis</i> (Osb.) Merr..	Sống rắn Trung quốc	G	R
<i>Albizia lucidior</i> (Stend.) L. Niels..	Bản xe (Đái bò)	G	
<i>Albizia corniculata</i> (Lour.) Druce	Sống rắn sừng nhỏ	T	
<i>Albizia vialenea</i> Pierre.	Sống rắn cây (Kết)	G	
<i>Albizia</i> sp.	Hợp hoan	g	
<i>Archidendron clypearia</i> Niels..	Mán đĩa (Giác)	g	T
<i>Desmanthus virgatus</i> (L.) Willd.	Điền keo	C	
<i>Entada pursaetha</i> A.P.DC..	Bầm bầm	D	T
<i>Leucaena leucocephala</i> (Lamk.) de Wit..	Keo đậu (Bọ chét)	T	
<i>Mimosa pigra</i> L..	Trinh nữ nhọn	D	T

<i>Mimosa pudica</i> L..	Trinh nữ (Mắc cở)	D	T
<i>Mimosa diplotricra</i> C. Wight. Ex Sauvalle	Trinh nữ móc	D	T
<i>Neptunia oleracea</i> Lour..	Rau rút dại	Ts	T
<i>Pithecellium dulce</i> (Roxb.) Benth..	Me keo (Keo bầu)	G	T
<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) Taubert.	Cắm xe	G	T
PAPILIONOIDEAE	66C. HỌ PHỤ ĐẬU		
<i>Abrus mollis</i> Hance.	Cam thảo mềm	D	T
<i>Abrus precatorius</i> L..	Cườm thảo đỏ	D	T
<i>Aeschynomene aspera</i> L..	Điền ma nhám	T	
<i>Aeschynomene americana</i> L..	Điền ma mỹ	C	
<i>Alysicarpus vaginalis</i> (L.) A.P.de Cand	Vây ốc (Hàn the)	T	
<i>Amphicarpa edgeworthii</i> Benth..	Song quả	D	
<i>Cajanus scarabeoides</i> Banth..	Bình đậu	T	
<i>Clitoria mariana</i> L..	Biếc tím	D	
<i>Centrosema pubescens</i> Benth	Bướm (Trung châu)	D	
<i>Crotalaria pallida</i> Aiton.	Sục sục tái	C	
<i>Crotalaria medicaginea</i> Lamk..	Sục sục đỏ	C	
<i>Christia pierrei</i> (Schindl.) Ohacshi.	Kiết thảo Pierre	C	
<i>Dalbergia bariensis</i> Pierre.	Cắm lai bông (Bà rịa)	g	
<i>Dalbergia cochinchinensis</i> Pierre.in Lan..	Trắc (Cắm lai nam)	G	
<i>Dalbergia dongnaiensis</i> Pierre.	Cắm lai Đồng nai	G	
<i>Dalbergia parviflora</i> Roxb..	Trắc hoa nhỏ	D	
<i>Dalbergia mammosa</i> Pierre.	Cắm lai vú	g	
<i>Dalbergia nigrescens</i> Kurz	Trắc đen (Cắm lai đen)	g	
<i>Dalbergia olivieri</i> Gamble. ex Prain.	Cắm lai bông	G	
<i>Dalbergia stipulacea</i> Roxb..	Trắc lá bẹ	g	
<i>Dalbergia entadoides</i> Pierre.ex Gagn..	Trắc bàm	D	T
<i>Dalbergia rimosa</i> Roxb..	Trắc dây (Cắm lai dây)	D	T
<i>Dalbergia candenatensis</i> (Dennst.) Prain.	Trắc một hạt (Me nước)	D	T
<i>Dalbergia dariacensis</i> Phamhoang.	Dây trắc Đắc lặc	D	T
<i>Dalbergia hancei</i> Benth..	Dây trắc Hance	D	T
<i>Derris indica</i> Benth..	Mấu (Bánh dầy)	D	T
<i>Desosdium rostratum</i> Schindler.	Tràng quả mũi	T	T
<i>Desosdium blandum</i> Van Meuwen.	Tràng quả thanh lịch	C	T
<i>Desosdium rodgeri</i> Schindl..	Tràng quả Rodger	C	T
<i>Desosdium griffithianum</i> Benth..	Tràng quả Griffith	T	T
<i>Desosdium oblatum</i> Bak.ex Kurz.	Tràng quả rộng ngang	T	T
<i>Desosdium auricomum</i> Grah.ex Benth..	Tràng quả tóc vàng	C	T
<i>Desosdium podocarrum</i> Supsp.oxyphyllum (DC.) Ohash	Tràng quả lá nhọn	T	T
<i>Desosdium velutinum</i> DC..	Thóc lép	C	T
<i>Desosdium triquetrum</i> (L.) DC..	Tràng quả ba cạnh	C	T
<i>Desosdium triflorum</i> DC..	Tràng quả bao hoa	T	T
<i>Desosdium podocarpum</i> (L.) DC..	Tràng quả dị quả	C	T
<i>Desosdium pulchellum</i> (L.) Benth.	Đồng tiền (Tràng quả đẹp)	C	T
<i>Dunbaria podocarpa</i> Kurz.	Đồng ba trái có cọng	D	
<i>Erythrina variegata</i> L.	Vông nem	G	T
<i>Flemingia macrophylla</i> (Willd.) Merr..	Tóp mỡ lá to (Đuôi chồn)	T	C - T
<i>Flemingia grahamiana</i> W. & Arn..	Tóp mỡ	T	T
<i>Indigofera galeoides</i> DC..	Chàm dại (Xà trà)	C	C - T
<i>Indigofera hirsuta</i> L..	Chàm lông	C	T
<i>Indigofera atropurpurea</i> B.& H.ex Horn..	Chàm dền tía	T	T
<i>Indigofera zollingeriana</i> Miq..	Chàm cánh rãnh	T	T
<i>Indigofera longicauda</i> Thuaàn	Chàm đuôi dài	C	T
<i>Indigofera trifoliata</i> L..	Chàm ba lá	C	T
<i>Lonchocarpus sericeus</i> (Poir.) DC..	Tiền quả	g	
<i>Mecopus nidulans</i> Benth..	Ổ chim	C	T

<i>Mecopus bracteata</i> A.P.de Cand..	Mắt méo lá hoa	D	
<i>Milletia nigrescens</i> Gagn..	Thần mắt đen	g	T
<i>Milletia pubinervis</i> Kurz..	Thần mắt gân có lông	g	
<i>Milletia brandisiana</i> Kurz..	Mát Brandis	g	
<i>Milletia diptera</i> Gagn..	Mát hai cánh	g	T
<i>Milletia sericea</i> Gagn..	Mát to	D	T
<i>Mucuna interrupta</i> Gagn..	Mắc mèo ma (Gián đoan)	D	T
<i>Mucuna macrocarpa</i> Wall..	Mắc mèo trái to	D	T
<i>Mucuna pruriens</i> (L.) DC..	Mắc mèo	D	T
<i>Mucuna nigricans</i> (Steudel) Lourz.	Mắc mèo đen	D	T
<i>Ormosia sumatrana</i> (Miq.) Prain.	Ràng ràng Sumatra	G	
<i>Ormosia sp</i>	Ràng ràng	g	
<i>Psophocarpus tetragonolobus</i> (L.)A.P.de Cand.	Đậu rỗng	D	R - T
<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz.	Đảng hương quả to	G	T
<i>Pueraria phaseoloides</i> (Roxb.) Banth..	Đậu ma	T	T
<i>Pueraria montana</i> (Lour.) Merr..	Sắn dây rừng	D	T
<i>Tephrosia purpurea</i> (L.) Pers	Đoản kiểm tía	C	
<i>Tephrosia coccinea</i> Wall..	Đoản kiểm son	C	
<i>Trifolium arvense</i> L..	Chè ba đông	C	
<i>Uraria acuminata</i> Kurz..	Hậu vĩ nhọn	C	
<i>Uraria lagopodioides</i> (L.) Desv.ex DC..	Hậu vĩ chân thỏ	C	
<i>Uraria picta</i> Desv.ex DC..	Hậu vĩ màu	C	
<i>Uraria rufescens</i> (DC.) Schindl..	Hậu vĩ heo	C	
<i>Vigna vexillata</i> (L.)A.Rich.var.macrosperma Mar.March.&Stair	Đậu có hạt to	C	
FAGACEAE	67. HỌ DẼ		
<i>Castanopsis indica</i> (Roxb.) A.DC..in Seem..	Cà ố Ấn độ	g	
<i>Lithocarpus cerifera</i> (Hick & Cam).Cam..	Dẻ sáp (Sồi đá)	g	
<i>Lithocarpus leiocarpa</i> A.Cam..	Dẻ trái láng	g	
<i>Lithocarpus magneinii</i> (Hick & Cam) A.Cam..	Dẻ the	g	
<i>Lithocarpus ochrocarpa</i> A.Cam..	Dẻ trái sét	g	
<i>Lithocarpus auriculata</i> (Hick & Cam) Barn..	Dẻ tai	g	
<i>Lithocarpus elegans</i> (Bl.) Hat.& Soep..	Dẻ đỏ	G	
<i>Lithocarpus pierrei</i> (Hick & Cam) A.Cam..	Dẻ Pierre	g	
<i>Lithocarpus longipedicellata</i> (H.&C)A.Cam..	Dẻ cọng dài	g	
<i>Lithocarpus rouletii</i> (Hick & Cam) A.Cam..	Dẻ Roulet	G	
<i>Lithocarpus vestitus</i> (Hick & Cam) A.Cam..	Dẻ áo	g	
<i>Quercus cambodiensis</i> Hick.&Cam..	Sồi Cambốt	G	
<i>Quercus cambodiensis</i> Subsp dongnaiensis (A.Cam..)	Sồi Đồng nai	G	
FLACOURTIACEAE	68. HỌ MỪNG QUÂN		
<i>Casilaria glomerata</i> Roxb..	Nuốt lá màng (Nuốt chụm)	T	T
<i>Hydnocarpus anthelmintica</i> Pierre.ex Laness.	Lọ nổi (Đại phong tử)	g	T
<i>Hychcarpus saigonensis</i> Pierre. In Warb.ex Gagn.	Lọ nổi Sài gòn	g	T
<i>Flacourtia jangomas</i> (Lour.) Raeuseh..	Mừng quân (Hồng quân)	g	T
<i>Hydnocarpus annamensis</i> (Gagn.) Lese.	Lọ nổi Trung bộ	g	T
GESNERIACEAE	69. HỌ THƯỢNG TIẾN		
<i>Chirita involucreta</i> Craib..	Ri ta tổng bao	C	
HEMODORACEAE	70. HỌ XÀ THẢO		
<i>Ophiopogon regnierii</i> Bois.	Bì xa Regnier	C	
HERNANDIACEAE	71. HỌ QUA QUAY		
<i>Illigera rhodantha</i> Hance.	Dây ba chẽ	D	
ICACINACEAE	72. HỌ THỤ ĐÀC		
<i>Gonocaryum lobbianum</i> : (Miers.)Kurz.	Cuống vàng (Quỳnh lâm)	T	R - T
<i>Gomphandra quadrifida</i> (Bl.)Sleum.	Mao hùng chẻ tư	T	
<i>Gomphandra mollis</i> Merr..	Mao hùng mềm	T	
<i>Gomphandra dongnaiensis</i> (Gagn.) Sleum	Mao hùng Đồng nai	g	
<i>Phytocrene oblonga</i> Wall..	Dây mộc tuyến	D	

IXONANTHACEAE	73.HỌ DÁT		
<i>Irvingia malayana</i> Oliv.ex Benn.	Cây (Kơ nia)	G	T
<i>Ixonanthes reticulata</i> Jack.	Dân cóc (Hànú)	g	
JUGLANDACEAE	74. HỌ HỒ ĐÀO (ỐC CHÓ)		
<i>Engelhardia serrata</i> Bl. Var.cambodiaca Mann	Cheo có răng	g	
LARDIZABALACEAE	75. HỌ LẠC DỊ		
<i>Stauntonia cavaleriana</i> Gagn..	Dây luân tôn	D	
LAMIACEAE	76. HỌ HOA MÔI (HÚNG)		
<i>Euthralis stellata</i> (Lour.) Mur..	Hồng vĩ (Muồng gà rừng)	C	
<i>Gomphostemma grandflorum</i> Doan.	Đỉnh hùng hoa to	T	
<i>Hyptis suaveolens</i> (L.) Poit..	É lơn tròng	C	T
<i>Hyptis rhomboidea</i> Mart. & Gal..	É lơn đầu	C	T
<i>Hyptis brevipes</i> Poit..	É dùi tròng	C	
<i>Leucas zeylanica</i> (L.) R. Br..	Mè đất (Bạch thiệt)	C	T
<i>Leucas mollissima</i> Benth,in Wall..	Bạch thiệt mềm	C	
<i>Mentha aquatica</i> L. var. aquatica.	Húng lủi	C	T
<i>Nocema capitatum</i> Prain..	Cắm thủy đầu	C	
<i>Nocema cochinchinensis</i> (Lour.) Merr..	Cắm thủy Trung việt	C	
<i>Ocimum basilicum</i> L..	Húng quế (É)	C	T
LAURACEAE	77.HỌ LONG NÃO (RE)		
<i>Actinodaphne pilosa</i> (Lour.) Merr..	Bộp lông	T	T
<i>Actinodaphne sesquipedalis</i> Hook.f.& Th..	Bộp dài	g	
<i>Alseodaphne glaucina</i> (Liouho.) Kost..	Re vàng (Vàng trắng mốc)	G	
<i>Beilschmiedia robertsonii</i> Gamble..	Săng gia	G	
<i>Beilschmiedia laotica</i> Kost..	Két lào	G	
<i>Beilschmiedia foveolata</i> Kost..	Két lửa	G	
<i>Cassytha filiformis</i> L..	Tơ xanh	Ks	T
<i>Cinnamomum polyadelphum</i> (Lour.) Kost.	Hậu phác (Quế lá bời lờ)	G	C - T
<i>Cinnamomum mairei</i> Levl.	Quế bạc	G	T
<i>Cinnamomum tsoi</i> Allen.	Rè Tso	g	
<i>Cinnamomum iner</i> Reinw..	Quế giả (Quế rừng)	G	T
<i>Cinnamomum bejolghota</i> (Buch - Ham.) Sweet.	Quế lá to (Re bầu)	G	T
<i>Cinnamomum sericans</i> Hance.	O phát (Re)	g	T
<i>Cinnamomum</i> sp.	Re	g	
<i>Cryptocarya ferrea</i> Bl..	Cà đuối trắng	G	
<i>Cryptocarya maclurei</i> Merr..	Mò lá trắng (Ấn hạch)	g	
<i>Cryptocarya obovata</i> R.Br..	Cà đuối xoan ngược	g	
<i>Cryptocarya ochracea</i> Lec..	Cà đuối sét	g	
<i>Cryptocarya infertoria</i> (Bl.) Miq..	Cà đuối nhuộm	g	
<i>Dehaasia kurzii</i> King.	Cà đuối Kurz	g	
<i>Dehaasia annamensis</i> Kost..	Cà đuối Trung bộ	g	
<i>Dehaasia caesia</i> Bl..	Cà đuối lục lam	g	
<i>Dehaasia cuneata</i> Bl..	Cà đuối chót buồm	g	
<i>Endiandra rubescens</i> (Bl.) Miq..	Khuyết hùng đỏ	g	
<i>Lindera racemosa</i> Lec..	Lòng trứng (liên đàn chùm)	g	T
<i>Lindera hemsleyana</i> (Diels) Allen.	Liên đàn lá mã tiền	G	T
<i>Litsea glutinosa</i> (Lour.) Rob..	Bời lờ nhót	T	T
<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers..	Bời lờ chanh	g	T
<i>Litsea viridis</i> var. Clemensii Liouho	Bời lờ Clemens	g	T
<i>Litsea chartacea</i> (Ness) Hook.f..	Bời lờ da	T	T
<i>Litsea variabilis</i> Hemsl..	Bời lờ biển thiên	T	T
<i>Litsea monopetala</i> (Roxb.) Pers..	Bời lờ lá tròn (Mò giấy)	g	T
<i>Litsea cambodiana</i> Lec..	Bời lờ Cambốt	G	T
<i>Litsea umbellata</i> (Lour.) Merr..	Bời lờ đấng (Mò lông)	g	T
<i>Litsea pierrei</i> Lec..	Bời lờ Pierre	G	T
<i>Litsea longipes</i> Meissn. Hook.f..	Bời lờ chân dài	g	T

<i>Litsea myristicaefolia</i> (Meissn.) Hook.f..	Bời lời lá nhục đậu khấu	g	T
<i>Machilus</i> sp.	Rè	G	
<i>Machilus bonii</i> Lec..	Vàng giển (vàng rế)	G	T
<i>Neolitsea chunii</i> Merr.f. annamensis Liouho	Tân bời Trung Bộ	g	
<i>Phoebe pallida</i> Nees.	Kháo (Cha)	g	T
<i>Phoebe laceolata</i> Nees.	Sự thon	g	T
LECYTHIDACEAE	78. HỌ LỘC VỪNG		
<i>Barringtonia acutangula</i> (L.) Gaertn.	Chiếc (Lộc vừng)	g	T
<i>Barringtonia acutangula</i> Subsp - spicata (Bl.) Payens.	Chiếc khế	T	T
<i>Barringtonia racemosa</i> (L.) Spreng.	Lộc vừng chùm	g	T
<i>Barringtonia musiformis</i> Kurz..	Hột (Chiếc cau)	g	
<i>Barringtonia</i> cf. <i>Schmidtii</i> Warb..	Chiếc (Châm bia)	g	T
<i>Barringtonia conoidea</i> Griff..	Chiếc chùy	T	
<i>Barringtonia pauciflora</i> King.	Tam lang (Chiếc ít hoa)	g	
<i>Barringtonia coccinea</i> (Lour.) Kost.	Chiếc đỏ (Lộc mưng)	G	T
<i>Barringtonia macrostachya</i> (Jack.) Kurz..	Chiếc chùm to (Tam lang)	T	T
<i>Barringtonia eberhardii</i> Gagn..	Chiếc Eberhard	g	T
<i>Barringtonia micrantha</i> Gagn.	Chiếc hoa nhỏ	g	T
<i>Careya arborea</i> Roxb..	Vừng (Vừng xoan)	G	
LEEACEAE	79. HỌ CỬ RỐI		
<i>Leea aequata</i> L..	Củ rối bằng (Gối hạc)	T	T
<i>Leea stipulosa</i> Gagn..	Củ rối lá bẹ	T	T
<i>Leea manillensis</i> Walp..	Củ rối có mui (Trúc vòng)	T	T
<i>Leea rubra</i> Bl.ex Spreng..	Gối hạc đỏ (Củ rối, Mun)	T	T
LENTIBULARIACEAE	80. HỌ NHỈ CÁN		
<i>Utricularia punetata</i> Wall..	Nhỉ cán tím	T	
<i>Utricularia gibba</i> L. subsp. exoleta (R.Br.) P.Tayl	Nhỉ cán túi	T	
<i>Utricularia aurea</i> Lour..	Nhỉ cán vàng	T	
<i>Utricularia stellaris</i> L.f..	Nhỉ cán phao	T	
LOGANNIACEAE	81. HỌ MÃ TIỀN		
<i>Fagraea racemosa</i> Jack.in Roxb..	Trai chùm	g	T
<i>Fagraea auriculata</i> Jack.	Trai tai	Ps	T
<i>Fagraea ceilanica</i> Thunb.	Trai tích lan (Lậu bình)	Ps	T
<i>Strychnos axillaris</i> Colrebr..	Mã tiền nách	D	T
<i>Strychnos nuxvomica</i> L..	Mã tiền cây (Củ chi)	g	T
<i>Strychnos thorellii</i> Pierre ex Dop	Mã tiền Thorel	G	T
LORANTHACEAE	82. HỌ TẮM GỬI		
<i>Dendropjtoe varrians</i> (Bl.) Bl..	Mộc ký biến thiên	Ks	
<i>Helixanthera parasitica</i> Lour..	Chùm gửi ký sinh	Ks	T
<i>Helixanthera pierrei</i> Dans..	Chùm gửi Pierre	Ks	T
<i>Scurrula argentea</i> Dans..	Mộc vệ hạc	Ks	T
LYTHRACEAE	83. HỌ SANG LẺ (TỬ VI'		
<i>Lagerstroemia calyculata</i> Kurz..	Thao lao (Bàng lẳng ổi)	G	T
<i>Lagerstroemia duperreana</i> Pierre & Gagn..	Bàng lẳng lẳng	G	
<i>Lagerstroemia ovalifolia</i> Teijsm. & Binn..	Bàng lẳng trứng (Xoan)	G	C
<i>Lagerstroemia cochinchinensis</i> Pierre.	Bàng lẳng nhỏ (Nam bộ)	g	C
<i>Lagerstroemia venusta</i> Wall.ex Cl..	Bàng lẳng sừng	g	
<i>Lagerstroemia speciosa</i> (L.) Pers..	Bàng lẳng nước	g	T
MAGNOLIACEAE	84. HỌ DẠ HỢP (MỘC LAN'		
<i>Manglietia blacensis</i> Gagn..	Mãnh liệt Bảo lộc	G	
MALNACEAE	85. HỌ BÔNG		
<i>Abelmoschus esculentus</i> (L.) Moench.	Đậu bắp (Bụp bắp)	C	T
<i>Abelmoschus moschatus</i> ssp. Tuberosus(Span.) Borss.	Bụp nhân sâm (Vông vang)	C	
<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet.	Cây cối xay	C	T
<i>Hibiscus macrophyllus</i> Roxb.ex Hor nem.	Bụp lá to	g	
<i>Hibiscus menyii</i> Pierre.	Bụp Mesny	g	

<i>Hibiscus mutabilis</i> L..	Bụp (Phù dung)	T	T
<i>Hibiscus rosa-sinensis</i> L..	Bụp (Dâm bụt)	T	T
<i>Hibiscus sabdariffa</i> L..	Bụp giấm	C	T
<i>Hibiscus vitifolius</i> L..	Bụp lá nhỏ	T	
<i>Hibiscus</i> sp.	Bụp	g	
<i>Malvastrum coromandelianum</i> (L.) Gurcke.	Hoàng manh	C	T
<i>Pavonia rigida</i> (Mast.) Hochr..	Ké trôn	T	T
<i>Sida acuta</i> Burm.f..	Bái nhọn(Bái chổi)	C	T
<i>Sida subcordata</i> Span.	Bái lá tím	C	T
<i>Sida mysorensis</i> Wight. & Arn.	Bái chùm	C	T
<i>Sida rhombifolia</i> L..	Ké hoa vàng (Bái bách Bộ)	C	T
<i>Thespesia lampas</i> (Cav.) Dalz & Gibs.	Tra nhỏ	T	
<i>Urena lobata</i> L..	Ké hoa đào	T	T
MELASTOMACEAE	86. HỌ MUA		
<i>Allomorpha subsessilis</i> Craib.	Dây da hình không cuống	T	
<i>Blatus borneensis</i> var. <i>eberhardtii</i> (Guill.) C Hans..	Bo rừng	T	
<i>Diphlectria barbata</i> (CB.Cl.) Frank & Roos.	Ấn dằng	D	
<i>Melastoma saigonense</i> (Kuntze) Merr..	Mua lông (Muôi Sài Gòn)	T	T
<i>Melastoma orientale</i> Guill..	Muôi đồng	T	T
<i>M. palaceum</i> Naudin.	Muôi dầm	T	T
<i>M. osbeckoides</i> Guuill..	Mua tép (Muôi an bích)	T	T
<i>M. sanguineum</i> Sims..	Sanguineum (Mua bà)	T	T
<i>M. edule</i> Roxb..	Trâm đất (Sâm bùi)	T	C
<i>Memecylon edule</i> var. <i>ovatum</i> (l.l.S.)C.B.Cl.	Sâm	T	C - T
<i>M. harmandii</i> Guill..	Sâm Harmand	T	T
<i>M. caeruleum</i> Jack..	Sâm lan	T	
<i>M. confertiflorum</i> Merr..	Sâm hoa khít	T	T
<i>Osbeckia stellata</i> Buch . Ham. Ex.D.Don.	An bích sao	T	
<i>O. cochinchinensis</i> Cogn..	An bích Nam bộ	C	
MELIACEAE	86. HỌ XOAN		
<i>Aglaia cuphoroides</i> Pierre.	Gội giống nhãn	g	Q-T
<i>A. lustralis</i> Miq.	Gội Duyên Hải	G	T
<i>A. hoaensis</i> Pierre	Ngâu Biên Hoà	g	T
<i>Amoora gigantea</i> Pierre	Gội nếp (Gội tía)	G	T
<i>Aphanamixis polystachya</i> J.N.Parker	Gội nước (Nàng gia)	G	T
<i>Cipadessa baccifera</i> (Roth) Miq.	Cámuối xo (Dọc khế)	g	
<i>Chisocheton cochinchinensis</i> Pierre	Quyếch (Gội nam)	G	T
<i>Dysoxylum rubrocostatum</i> Pierre	Huỳnh đàn gân đỏ	g	T
<i>D. hoaensis</i> (Pierre) Pell	Huỳnh đàn Biên hoà	G	T
<i>D. loureirii</i> Pierre	Huỳnh đàn	G	T
<i>D. binectariferum</i> Hook.f.	Chặc khế hai tuyến	g	T
<i>Heynia trijuga</i> Roxb.	Sang nước (Hải mộc)	g	T
<i>Melia azedarach</i> L.	Xoan	g	T
<i>Sandoricum koetjape</i> (Burm.f.) Merr.	Sấu tía	G	T
<i>Walsura cochinchinensis</i> Harms.	Nhãn mọi	T	Q-T
MENISPERMACEAE	87. HỌ TIẾT DÊ		
<i>Coscinium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.	Vàng đắng	D	
<i>Cyclea barbata</i> Miers.	Dây sâm (Sâm lông)	D	T
<i>C. bicristata</i> Diels.	Dây sâm hai song	D	
<i>Fibrauria tinctoria</i> Lour.	Hoàng đẳng	D	T
<i>Pericampilus glaucus</i> (Lamk.) Merr.	Dây châu đảo (Tiết dê)	D	
<i>Stephania japonica</i> (Thumb.) Miers.	Dây mối Java	D	
<i>Tinospora cordifolia</i> (Wild.) Hook.f. & Th.	Dây thần nông	D	T
MORACEAE	88. HỌ DẦU TẮM		
<i>Antiaris toxicaria</i> (pers) Lesch. var <i>toxicaria</i>	Sùi (Thuốc bắn)	G	
<i>Artocarpus heterophylla</i> Lamk.	Mít nhà	G	T

<i>A. rigada</i> subsp. <i>asperulus</i> (Merr) Jarr.	Mít nài (Da xốp)	G	T 5564
<i>A. chaplasha</i> Roxb.	Mít rừng	G	
<i>A. nitida</i> Trec. Subsp. <i>Lignanensis</i> (Merr) Jarr	Mít nhỏ (chay rừng)	G	
<i>Broussonetia papyrifera</i> (L) Ller. ex Vent..	Dương (Rét)	G	T
<i>Ficus altissima</i> Bl.	Đa tía (Da rất cao)	G	
<i>F. religiosa</i> L.	Đề (Bồ đề)	g	C
<i>F. drupacea</i> Thumb.	Sung nhân (Đa lông)	g	
<i>F. benjamina</i> L.	Sì (Xanh)	g	C
<i>F. callosa</i> Wild.	Đa gù (Da chai)	g	
<i>F. fulva</i> Reinw. ex Bl.	Vả (Ngái vàng)	g	Q
<i>F. heterophylla</i> L.f. var. <i>heterophylla</i>	Vú bò	T	T
<i>F. hirta</i> var. <i>roxburghii</i> (Miq.) King.	Ngáikhỉ (Sung 3 thùy)	T	
<i>F. hispida</i> L.f. var. <i>hispida</i>	Ngái (Sung)	g	
<i>F. racemosa</i> L.	Sung	g	Q
<i>F. esquiroliana</i> Levl.	Sung Esquiroi	g	
<i>F. pumila</i> L.	Thần lằn (Trâu cổ)	D	T
<i>F. sumatrana</i> var. <i>mycosyce</i> Corner.	Đa quả nhỏ	g	T
<i>R. rumphii</i> Bl.	Lâm vồ (Da mít)	g	T
<i>F. superba</i> var. <i>japonica</i> Miq.	Sộp	g	T
<i>F. variegata</i> Bl. var. <i>variegata</i>	Sung trở (Đa rừng)	g	T
<i>F. micrcarpa</i> L.f.	Gừa	G	
<i>F. depressa</i> Bl.	Sung (Da nước)	g	T
<i>F. sagitta</i> Vahl. var. <i>sagitta</i>	Sung bò (Saung dầu tên)	D	
<i>F. graberrima</i> Bl.	Đa trụi	T	T
<i>F. pisocarpa</i> Bl.	Đa đậu	G	T
<i>F. trichocarpa</i> Bl. var. <i>obtusa</i> (Hassk) Corner	Sung tà	D	
<i>F. hederacea</i> Roxb.	Sung leo	D	
<i>F. consociata</i> Bl. Var. <i>murtonii</i> King	Da đồng hành	g	
<i>F. septica</i> Burm.f. var. <i>fistulosa</i> (Bl.) Corner	Đa ba gân (Sung bông)	g	T
<i>F. subpyriformis</i> Hook & Arn.	Rủ rì	T	
<i>F. costata</i> Ait..	Sung sóng	g	
<i>F. elastica</i> Roxb. ex Horn	Da cao su (Da búp đỏ)	G	T
<i>F. aurata</i> Miq.	Sung vàng	G	
<i>F. hirta</i> Vahl. Var. <i>hirta</i>	Ngái rừng (Ngái phún)	T	T
<i>Maclura cochinchinensis</i> (Lour) Corner	Gai mang (Mỏ quạ)	T	
<i>Streblus asper</i> Lour.	Duối nhám	T	T
<i>S. ilicifolia</i> (Kurz.) Corn.	Duối ô rô (ô rô núi)	T	T
<i>S. taxoides</i> (Heyne.) Kurz.	Duối gai	T	T
MYRISTYACEAE	89. HỌ MÁU CHÓ		
<i>Horsfieldia amygdalina</i> (Wall.) Warb.	Xăng máu hạch nhân	g	T
<i>H. thorelli</i> Lec.	Xăng máu Thorel	g	T
<i>H. kingii</i> Hook.f.) Warb.	Xăng máu King	g	T
<i>Knema globularia</i> (Lamk.) Warb.	Máu chó lá nhỏ (Cầu)	T	T
<i>K. petelottii</i> Merr.	Sà luát (Máu chó Petelot)	g	T
<i>K. pierrei</i> Warb.	Máu chó Pierrei	g	T
<i>K. lenta</i> Warb.	Máu chó thấu kính	g	T
MYRSINACEAE	90. HỌ DỖN NEM		
<i>Ardisia poillanei</i> Pit.	Cơm nguội Pollane	T	T
<i>A. amherstiana</i> A. DC.	Cơm nguội (Ca bua)	T	T
<i>A. pedalis</i> Walker	Cơm nguội chân	C	T
<i>A. tinctoria</i> Pit.	Cơm nguội nhuộm	T	
<i>A. virens</i> Kurz.	Cơm nguội xanh tươi	T	T
<i>A. helferiana</i> Kurz.	Cơm nguội Helfer	T	T
<i>Ardisia</i> sp.	Cơm nguội	T	
<i>Embelia ribes</i> Burm.f.	Chua ngút (Phi tử)	D	T
<i>Maesa indica</i> Wall. in. Roxb.	Đồng răng cửa	T	R-T

<i>M. sinensis</i> A. DC.	Đơn Trung Quốc	T	R-T
<i>M. striata</i> Mez.	Đơn nem trắng (Đơn sóc)	T	T
<i>Maesa balansac</i> Mez.	Đồng Balansa	T	T
<i>M. subdentata</i> A. DC.	Đồng trâm	T	T
<i>M. membrannacea</i> A. DC.	Đơn màng (Đồng đơn)	T	T
MYRTACEAE	91. HỌ TRÂM (SIM)		
<i>Cleistocalyx nigrans</i> (Gagn.) Merr. & Perry.	Trâm móc (Trâm lá đen)	g	
<i>Eucalyptus camaldulensis</i> Dehnhart	Bạch đàn sét	G	T
<i>Psidium gujava</i> L.	Ổi	T	T
<i>Rhodomyrtus tomentosa</i> (Ait.) Hassk.	Hồng sim (Sim)	T	T
<i>Syzygium chanlos</i> (Gagn.) Merr. & Perry.	Trâm trắng	g	T
<i>S. jambos</i> (L.) Alston.	Trâm giới (Bồ đào)	g	T
<i>S. semarangense</i> (Bl.) Merr. & Perry.	Roi (Mận)	g	Q-T
<i>S. cochinchinensis</i> (Gagn.) Merr & Perry	Trâm nam	g	T
<i>S. polyanthum</i> (Wight.) Walp.	Sắn thuyền (Trâm sắn)	g	
<i>S. zeylanicum</i> (L.) DC.	Trâm vỏ đỏ (Tích lan)	g	Q-T
<i>S. wightianum</i> W. & Arn.	Trâm Wight	g	T
<i>S. ripicola</i> Craib.	Trâm suối (trâm nước)	g	T
<i>S. oblatum</i> (Roxb.) A.M. & J.M. Cowan	Trâm rộng (Trâm đỏ)	g	T
<i>S. cinereum</i> Wall. ex Merr & Perry	Trâm xẻ	g	T
NELUMBONACEAE	92. HỌ SEN		
<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.	Sen	T	T
NYCTAGINACEAE	93. HỌ BÔNG PHẤN		
<i>Bougainvillea brasiliensis</i> Ruesch.	Bông giấy	D	T
NYMPHEACEAE	94. HỌ SÚNG		
<i>Nymphaea nonchali</i> Burm.f.	Súng lam	T	T
<i>N. pubescens</i> Willd. L.	Súng trắng	T	T
OCHNACEAE	95. HỌ MAI		
<i>Ochna integerrima</i> (Lour.) Merr.	Huỳnh mai (Mai vàng)	T	C - T
OLACACEAE	96. HỌ DƯƠNG ĐẦU		
<i>Erythralium scandens</i> Bl.	Dây bò khai (Hồng trực)	D	
<i>Oxal scandens</i> Roxb.	Dương đầu leo (Mao trật)	D	
OLEACEAE	97. HỌ NHÀI		
<i>Fraxinus hinchophyllus</i> Hance.	Tần lá có mủi	T	T
<i>Jasminum nobile</i> C.B.Cl.in Hook.	Lài (Nhái rừng-Lài quý)	D	T
<i>J. multiflorum</i> (Burm.f.)Andr.	Lài nhiều hoa	D	T
<i>J. longisepalum</i> Merr.	Lài dài dài	g	C
<i>Linociera ramiflora</i> Wall.	Hồ bì	g	T
<i>L. cambodiana</i> Hance.	Tráng cam bột	g	
<i>L. thorelii</i> Gagn.	Tráng Thorel	g	T
<i>L. pierrei</i> Gagn.	Xolu (Tráng)	g	
<i>Olea wightana</i> Wall.	Oliu wight (Hoa thơm)	g	T
ONAGRACEAE	98. HỌ RAU MƯỚNG		
<i>Ludwigia octovalis</i> (Jack.)Raven spp	Rau mương đứng(Ốt mọng)	C	
<i>L. adscendens</i> (L.)Hara.	Rau dứa nước	C	T
OPILIACEAE	99. HỌ LÂN VÍ		
<i>Champerela manillana</i> (DI.) Merr.	Ngót rừng (sâm be)	T	R-T
OXALIDACEAE	100. CHUA ME ĐẤT		
<i>Averrhoa caranbola</i> L	Khế	g	Q-T
<i>Biophytum petersianum</i> Klotzsch.	Sinh diệp lá cong	C	
<i>B. thorelianum</i> Guill.	Sinh diệp Thorel	C	
PADACEAE	101. HỌ CHANH ỚC		
<i>Galearia fulva</i> (Tul.) Miq..	Chanh ớc(Oách bông)	g	
<i>Microdesmis cascarifolia</i> Pl..in Hook..	Chẩn(Chanh ớc)	T	T
PASSIFLORACEAE	102.HỌ NHÃN LỒNG		

<i>Adenia heterophylla</i> (Bl.) Koord	Thư diệp	D	
<i>A. pinnatisecta</i> (Craib.) Craib..	Thư diệp xê lông chim	D	
<i>Passiflora foetida</i> L..	Lạc tiên (Nhân lồng)	D	T
PENTAPHRAGMACEAE	102. HỌ NGŨ CÁCH		
<i>Pentaphragma sisensis</i> Hemsl. & Wils..	Rau bánh lái	C	R
PIPERACEAE	104. HỌ HỒ TIÊU		
<i>Peperomia pellucida</i> Kunth..	Căng cua	C	R-T
<i>Piper saigonensis</i> C. DC..	Lá lốt	D	T
<i>P. cambodianum</i> C. DC..	Tiêu Cambot	D	T
<i>P. rubrum</i> C. DC..	Tiêu đỏ	D	T
<i>P. politifolium</i> C. DC.	Tiêu lá láng	D	T
<i>P. cubeba</i> L. f..	Tiêu thất	D	T
<i>P. nigrum</i> L..	Hồ tiêu	D	T
PODOSTEMACEAE	105. HỌ CƯỚC THÂN		
<i>Diplobryum minutale</i> C. Cusset.	Thuỷ rêu (Luống dài mảnh)	T	
POLYGALACEAE	106. HỌ KÍCH NHŨ		
<i>Securidaca inappendiculata</i> Hassk..	Đẳng ca	D	
PODOSTEMACEAE	107. HỌ RAU RẼM		
<i>Polygonum hydropiper</i> L.	Nghệ nước (Rễ nước)	C	T
<i>P. odoratum</i> Lour..	Rau rằm	C	T
<i>P. tomentosum</i> Wild..	Nghế	C	T
<i>P. minus</i> var. <i>micranthum</i> Dans.	Ngế bèo hoa nhỏ	C	T
PORTULACACEAE	108. HỌ RAU SAM		
<i>Portulaca pilosa</i> L. Sub sp. <i>Grandiflora</i> . Gees	Hoa mười giờ (Lệ nhị)	C	C-T
<i>P. oleracea</i> L.	Rau sam	C	C-T
PROTEACEAE	109. HỌ MẠ SỮA		
<i>Helicia cauliflora</i> Merr.	Mạ sữa hoa thân	g	T
<i>H. excelsa</i> (Roxb.) Blume.	Quần hoa cao	g	T
<i>Heliciopsis terminalis</i> Sleumer.	Song quần chót (Phân thùy)	g	T
RANUNCULACEAE	110. HỌ MAO CẦN		
<i>Clematis smilacifolia</i> Wall.	Vàng kim cang	D	
RHAMNACEAE	111. HỌ TÁO		
<i>Ventilago caliculata</i> Tul.	Dây đồng dài	D	
<i>Zizyphus oenoplia</i> (L.) Mill.	Táo rừng	D	Q-T
<i>Z. hoaensis</i> Pierre.	Táo Biên Hòa	T	T
<i>Z. poilanci</i> Muell	Táo Poilane	D	T
<i>Z. cambodiana</i> Pierre.	Táo Cambot	D	T
RHIZOPHORACEAE	112. HỌ DƯỚC VỆT		
<i>Carallia suffruticosa</i> Ridl.	Xăng mã răng (Răng cá)	T	T
<i>C. brachiata</i> (Lour.) Merr.	Xăng mã chẻ (Trúc tiết)	g	T
<i>C. lancaefolia</i> Roxb.	Xăng mã thon	g	T
ROSACEAE	113. HỌ HOA HỒNG		
<i>Eriobotrya poilanci</i> J. E. Vid.	Sơn trà Poilane	g	
<i>Parinari annamensis</i> Hance.	Cám	G	T
<i>Prunus ceylanica</i> (Wight) Miq.	Rệp (Xoan đào)	g	T
<i>P. arborea</i> (Bl.) Kalm. var. <i>stipulacea</i> . Kaln	Vàng nương	g	T
<i>Rubus rugosus</i> Sm.	Dum nhám (Dùm nhám)	D	T
<i>R. chevalieri</i> Card.	Dum Chevaliei	g	
<i>R. alcaefolius</i> Poiret.	Ngậy (Mâm xôi)	D	T
RUBIACEAE	114. HỌ CÀ PHÊ		
<i>Brachytome wallichii</i> Hook. f. ex Pit.	Đoản nha Wallich	T	
<i>Caephaelis lecomtei</i> Pit.	Trôn trôn	T	
<i>Canthium filipendulum</i> Pierre.	Căng thông	T	
<i>C. glabrum</i> Bl.	Căng không lông	g	
<i>C. dicoccum</i> Gaertn var <i>rostratum</i> Thw. ex. Pit	Xương cá	g	

	<i>Canthium</i> sp.	Căng	g	
	<i>Coffia canephora</i> Pierre ex Frochner var <i>robusta</i> (Lind. Ex Wild.) Chev.	Cà phê Rubusta	T	T
	<i>C. arabica</i> L.	Cà phê Arabica	T	T
	<i>Diodia sarmentosa</i> Sw.	Song nhĩ trườn	D	
	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) I.	Cỏ mực	C	T
	<i>Fagerlindia depauperata</i> (Drake.) Tirv.	Găng nghèo	T	
	<i>Damnacanthus indicus</i> Gaertn.	Hung rô an	T	
	<i>Gardenia annamensis</i> Pit.	Dành dành Trung bộ	T	
	<i>G. tubifera</i> Wall.	Dành dành ống	T	
	<i>Geophila repens</i> (L.) Johnst.	Rau má núi (Địa hảo bò)	D	
	<i>Greenia corymbosa</i> (Jack) Schum.	Trường sơn (cho)	T	
	<i>Haldina cordifolia</i> (Roxb) Ridsd.	Gáo trò	G	T
	<i>Hedyotis heynii</i> R.Br	Lũ đằng (An điển)	C	
	<i>H. auricularia</i> L.	An điển tai	C	
	<i>H. ovata</i> Thunb.ex Hook.f	An điển trướng	C	
	<i>H. chereevensis</i> (Pierre.) Fukuoka	An điển Chère	C	
	<i>H. merguensis</i> Hook.f.	Râm núi	C	
	<i>H. macrosepala</i> (Pit.) Phamhoang.n.Comb	Gén	C	
	<i>H. contracta</i> (Pit.)Phamhoang. Comb	An điển ngắn	C	
	<i>Hedyotis leptoneura</i> (Pit.) Phamhoang.	An điển chân mảnh	C	
	<i>Hydnophytum formicarum</i> Jack.	Kỳ nam kiến (Bí kỳ nam)	P	T
	<i>Hymenopogon paraciticus</i> Wall.	Vân mạc	T	
	<i>Hymenodictyon orixence</i> (Roxb) Mabb.	Mạc võng	g	T
	<i>Hypobathrum hoaensis</i> Pierre	Hạ đệ	g	
	<i>Ixora coccinea</i> L	Đơn đỏ (Trang sơn)	T	T
	<i>I. coccinea</i> var, <i>caudata</i> Pierre ex Pit	Trang	T	C-T
	<i>I. laotica</i> Pis	Trang lão	T	T
	<i>I. henryi</i> Levl	Trang trắng Henry	T	C-T
	<i>I. Dongnaiense</i> Pierre ex Pis	Trang Đồng nai	T	C-T
	<i>Lasianthus hoaensis</i> Pierre	Xú hương Biên hoà	T	T
	<i>L.eberhardii</i> Pis	Xú hương Eberhardt	T	T
	<i>L. cyanocarpus</i> Jack var <i>asperulatus</i> pierre	Xú hương trái lam	T	T
	<i>L. kambutensis</i> Pierre.ex Pit	Xú hương Cambot	T	T
	<i>L. verticillatus</i> (Lour) Merr	Xú hương luân sinh	T	T
	<i>Metadina trichotoma</i> (Zoll & mor.) Baakh.f.	Vàng vé (Gáo lông)	G	T
	<i>Mitragyna diversifolia</i> (G.Don) Havil	Mao thư (Cà dâm)	G	T
	<i>M. speciosa</i> (Korth.) Havil	Giam đẹp (Mao thư)	G	T
	<i>Morinda citrifolia</i> L. vaar.bractecata Hookf	Nhàu	g	T
	<i>M. tomentosa</i> Heyne	Nhàu nhuộm	g	T
	<i>Mussaenda cambodiana</i> Pierre	Bướm miên (Bướm bạc)	D	T
	<i>M.froncosa</i> L.	Bướm bạc lá	T	T
	<i>M. hoaensis</i> Pierre. ex Pit.	Bướm bạc Biên hoà	D	T
	<i>M. hilaris</i> Pierre ex Pit.	Bướm bạc vui	T	T
	<i>Myrmecodiaarmata</i> DC.	Ổ kiến (Kỳ nam gai)	Ps	T
	<i>Nuaclea orientalis</i> (L.) L.	Gáo vàng	G	T
	<i>N. officinalis</i> (Pit.) Merr	Huỳnh bá	G	T
	<i>Neolamarekia cadamba</i> (Roxb.)Bossier.	Gáo trắng (cà tôm)	G	T
	<i>Neonauclea sessilifolia</i> (Hook.f.) Merr.	Gáo vàng (không cuống)	G	T
	<i>Ophiorrhiza. harrosiana</i> Heyne	Xà căn Harris	T	
	<i>O.cantonienensis</i> Hance	Xà căn thượng hải	C	
	<i>O. mungos</i> L.	Xà căn dầu	C	
	<i>P. subrubescens</i> Drace.	Xà căn hoe	C	
	<i>O. sanguinea</i> Bl.	Xà căn máu	T	
	<i>O. japonica</i> Bl.	Xà căn Nhật	C	
	<i>Oxyceros horridus</i> (Lour.)	Găng gai cong	T	T

<i>Pacderia lanuginosa</i> Wall.	Lá mơ lông	D	T
<i>P. scandens</i> (Lour.) Merr.	Mơ leo	D	T
<i>Psychotria adenophylla</i> Wall.	Lấu tuyến	T	T
<i>P. morindoides</i> Husch.	Lấu nhàu	T	T
<i>P. baviensis</i> (Drake) pit.	Lấu Ba vì	T	T
<i>P. serpens</i> L.	Lấu bò	T	
<i>P. sarmentosa</i> Bl.	Lấu leo	D	T
<i>P. rubra</i> (Lour) Poit.	Lấu đỏ	T	T
<i>P. montana</i> Bl.	Lấu núi	T	T
<i>P. thorelii</i> Pit.	Lấu Thorel	T	T
<i>P. fleuryi</i> Pit.	Lấu Fleury	T	T
<i>P. elliptica</i> Ker. Gawl.	Lấu bầu dục	T	T
<i>P. poilanei</i> Pit.	Lấu Poilane	T	
<i>Psychotria</i> sp.	Lấu	T	
<i>Randia spinosa</i> Bl.	Găng gai (Găng trâu)	T	T
<i>R. wallichii</i> Hook.f.	Găng wallich	g	T
<i>R. turgida</i> Roxb.	Găng tương	T	T
<i>R. uliginosa</i> (Retz) DC.	Găng nước (tô)	g	T
<i>R. fasciculata</i> var. <i>velutina</i> Pierre.	Găng lông	g	T
<i>Rothmannia encodor.</i> (K. Schum.)Brem.	Găng cơm (Găng cao)	G	T
<i>Saprosma inaequilongum</i> Pierre. Expit.	Hoại hương dài không đều	T	
<i>Tarenna thorelii</i> Pit.	Trên Thorel	T	T
<i>T. bonii</i> Pit.	Trên bon	T	
<i>T. hoacnsis</i> Pierre ex Pit	Trên Biên hoà (Trávỏ)	g	T
<i>T. bavicnsis</i> Pit.	Trên Ba vì	T	T
<i>T. disperma</i> (Hook.f.) Pit.	Trên hai hạt	g	T
<i>Uncaria acida</i> (Kunt.) Roxb.	Vuốt chua (câu đàng)	D	T
<i>U. lanosa</i> Wall.f.ferrea (Bl.) Ridsd.	Vuốt len	T	
<i>U. scandens</i> (Smith) Hutch.	Vuốt hùm (vuốt leo)	D	T
<i>U. acida</i> (Hunt) Roxb.	Vuốt chua	D	T
<i>Xantonnea robinsonii</i> Pit.	Xuân tôn Robinson	T	
<i>U. cordata</i> (Lour.) Merr.	Vuốt tím	D	
<i>Wendlandia paniculata</i> (Roxb.)DC.	Chà hươu (Huắc quang)	g	
<i>Xantonnea coffeoidex</i> Pierre ex Pit	Xuân tôn dạng cà phê	T	
<i>X. quoensis</i> Pierre ex Pit	Xuân tôn Phú quốc	g	
RUTACEAE	115.HỌ CAM QUÝT		
<i>Aronychia pedunculata</i> (L.) Miq.	Bí bái (Bai bái)	g	T
<i>Atalantia monophylla</i> (DC.) Correa	Tiểu quất một lá	T	T
<i>Citrus aurantifolia</i> (Chritm.) Sw.	Chanh	T	T
<i>Citrus deliciosa</i> Ten.	Quít xiêm	T	T
<i>Clausena dimidiata</i> Tan.	Mơ rây	g	T
<i>C. excavanta</i> Burm.f.	Nhâm lôm (Giối)	T	T
<i>Euodia. lepta</i> Spreng.) Merr.	Ba gạc (Dấu dầu ba lá)	T	T
<i>E. oreophila</i> Guill.	Dấu dầu háo ẩm	T	T
<i>E. calophylla</i> Guill.	Ba gạc lá dẹp	T	T
<i>E. meliaefolia</i> Benth.	Ba gạc lá xoan (Thôi chanh)	T	T
<i>Glycosmis pentaphylla</i> (Reatz.) Corr.	Cơm rượu	T	T
<i>Luvunga nitida</i> Pierre.	Móc câu (Dây cam)	D	T
<i>Macclurodendron oligophlebia</i> (Merr.) Hartl	Bưởi bung ít gân	g	T
<i>Micromclum minutum</i> (Forsr.f.) W.&.A.	Ổt rừng (Mắt trâu cong)	T	T
<i>M.hirsutum</i> Oliv	Mắt trâu (lá méo)	T	T
<i>Murraya koenigii</i> (L.) Spreng.	Nguyệt quoi Koenig	T	T
<i>Tetradium glabrifolium</i> (Benth.) Hartl.	Dấu dầu lá nhẵn	T	T
<i>Xanthoxylum rhetsa</i> DC	Trướng (Hoàng mộc hôi)	g	T
SAN TALACEAE	116. HỌ BẠCH ĐÀN		
<i>Dendrotrophe umbellata</i> (Bl.) Miq.	Thượng mộc tán	K	

SAPINDACEAE	117. HỌ BỒ HỒN		
<i>Allophyllus cochinchinensis</i> Pierre.	Ngoại mộc nam bộ	T	T
<i>A. brachypetalus</i> Gagn	Ngoại mộc cánh ngắn	T	T
<i>A. hirsutus</i> Radlk	Ngoại mộc phún	T	T
<i>A. serrulatus</i> Radlk.	Ngoại mộc có răng	T	
<i>Aryteralittoralis</i> Bl.	Trường Duyên Hải	g	
<i>Crossonephelis thorelii</i> (Pierre) Leent	Tiết địa	g	
<i>Dimocarpus maiesianus olongan</i> Subsp Leenh	Nhân Mã lai	g	T
<i>D. fumatus</i> (Bl.) Leenh. Subsp. Indochinesis Leent	Nhân Indoch	g	
<i>Harpullia cupanioides</i> Roxb.	Xơ	g	
<i>Lepisanthes amplifolia</i> (Pierre.)Leenh.	Lâm hùng (Nhân đế cánh)	g	T
<i>Mischocarpus sundaicus</i> Bl.	Trường kẹn (Nây sunda)	G	T
<i>M. pilanci</i> Gagn.	Nây poilanne	g	T
<i>Nephenium meliferum</i> Gagn	Chôm chôm mật	g	Q-T
<i>N. hypolcucum</i> Kurz	Chôm chôm trắng dưới	g	T
<i>Nephelium</i> sp.	Trường nhân (vải rừng)	g	
<i>Pometia pinnata</i> J.R.& G.Forst	Trường mật (Bầu mít)	g	T
<i>Xerospermum noronhianum</i> (Bl.) Bl.	Trường	g	T
<i>Zollingeria dongnaiensis</i> Pierre.	Cứt mọt (Giao linh)	G	
SAPOTACEAE	119. HỌ SẾN		
<i>Chrysophyllum cainito</i> L..	Vú sữa	G	Q
<i>Donella lanceolata</i> (Bl.) Aubr.	Săng sáp	G	C
<i>Manikara kauki</i> (L.) Dub.	Viết	G	T
<i>Mdhuca</i> sp	Sến	g	
<i>Palaquium gutta</i> (Hook.f.)Baillon	Xây dao mũ	G	
<i>Sinosideroxylon bonii</i> Anbr.	Mai lai bon	T	
<i>Xantolis dongnaiensis</i> (Dub.) Aubr.	Cheo	g	
<i>X. barauensis</i> (Lee.) Roien.	Ma dương bà nau	g	
SAPOTACEAE	119. HỌ DẤP CÁ		
<i>Houttuynia cordata</i> Thunb.	Giáp cá	D	T
SAXIFRAGACEAE	120. HỌ TRƯỜNG SƠN		
<i>Itca macrophylla</i> Wall.	Ý thiệp lá to	T	
<i>Polyosma blaoensis</i> O. Lec.	Đa hương Bảo Lộc	g	
SCROPHULARIACEAE.	121. HỌ HOA MỠM CHÓ		
<i>Angelonia goyazensis</i> Benth.	Bằng khuâng (Ngọc hân)	C	T
<i>Artane malongifolia</i> (L.) Benth.	Vùng đất	C	
<i>Lindernia pierreana</i> (Bon.) Bon.	Lữ đẳng Pierre	C	
<i>L. mollis</i> (Benth.) Wettst.	Lữ đẳng mềm	C	T
<i>L. viscoga</i> (Hornem.) Bold..	Lữ đẳng trăn	C	
<i>L. crustacca</i> (L.) F. Muell.	Húng dũi đất (Lữ đẳng cấn)	C	
<i>Scoparia dulcis</i> L.	Cam thảo nam (Đất)	C	T
SIMARUBACEAE	122. HỌ THANH THẮT		
<i>Ailanthus triphisa</i> (Dennst.) Alst.	Thanh thất (Bút.)	G	T
<i>Brucea javanica</i> (L.) Merr.	Sầu dầu cứt chuột	T	T
<i>Eurycoma longifolia</i> Jack.Subsp. Longifolie	Bá bệnh	T	T
<i>Harrisonia perforata</i> (Bl.) Merr.	Dây hải sơn (Đa đa.)	D	T
<i>Samadeda harmandii</i> Pierre.	Sầu dẹt (Sâm dê)	T	T
SOLANACEAE	123. HỌ CÀ		
<i>Capsicum frutescens</i> L. var. acuminatum Bail	Ớt sừng	T	T
<i>C. frutescens</i> L. var. fasciculatum Bail	Ớt chỉ thiên	T	T
<i>Phisalis angulasa</i> L.	Thù lu cạnh (tầm bóp)	T	T
<i>Solanum thruppii</i> H. Wringht.	Cà hoang (Cà gai)	C	T
<i>S. torvum</i> Swartz.	Cà nong	C	T
SONNERATIACEAE	124. HỌ BẦN		
<i>Duabanga grandiflora</i> (DC.) Walp.	Phay (Bần bằng lẵng)	G	

STAPHYLEACEAE	125. HỌ CÔI		
<i>Turpinia montana</i> (Bl.) Kurz.	Côi núi (Hương viên núi)	g	
<i>T. Cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.	Côi Trung bộ	g	
STERCULIACEAE	126. HỌ TRÔM		
<i>Byttneria andamensis</i> Kurz..	Bích nữ Andaman	D	T
<i>Helicteres angustifolia</i> L.	Dó hẹp (thao kén hẹp)	T	T
<i>H. hirsuta</i> Lour.	Dó lông (tổ kén cái)	T	T
<i>H. viscida</i> Bl.	Dó trăn	T	
<i>H. lanceolata</i> DC.	Dó thon	T	T
<i>Melochia nodiflora</i> Swartz.	Trứng cua	C	T
<i>Heritiera cochinchinensis</i> (Peirre.) Kost.	Huỳnh	G	
<i>Kleinhofia hospita</i> L.	Tra đỏ	g	T
<i>Sterculia stigmatota</i> Pierre.	Bảy thừa muốmq quay	g	
<i>Pterospermum jacianum saigonense</i> (Pierre) Gagn	Lòng mang sài gòn	G	T
<i>Pterospermum diversifolium</i> Bl.	Lòng mang lá đa dạng(xẻ)	G	T
<i>P. grewiaefolium</i> Pierre.	Lòng mang lá nhỏ	G	
<i>P. megalocarpum</i> Tard.	Lòng mang trái to	g	T
<i>Pterospermum .sp.</i>	Lòng mang	g	
<i>Pterocymbicum dongnaiensis</i> (Perre.) Tard	Dực nang Đông nai	G	
<i>Scaphium macroporium</i> Beumee	Lưỡi ươi	G	T
<i>Sterculia thorelii</i> Pierre.	Bảy thừa Thorel	g	T
<i>S. cochinchinensis</i> Pierre.	Trôm nam (sáng)	g	T
<i>S. foetida</i> L.	Trôm hôi	G	T
<i>S. hypochrea</i> Pierre.	Trôm quạt	g	T
<i>S. rubiginosa</i> Vent.	Bảy rừa lông (sét)	T	
<i>S. toncincnsis</i> A. DC.	Trôm Bắc bộ (Trôm sáng)	T	T
<i>S. lanceolata</i> Cav.	Sáng (Chóc móc)-trôm thon	g	T
<i>Waltheria americana</i> L.	Hoàng tiền	g	T
STYRACACEAE	127. HỌ AN TÚC		
<i>Styrax rufopilosus</i> B. Svengsuksa.	Mang	g	
SYMPLOCACEAE	128. HỌ DUNG		
<i>Symplocos annamensis</i> Nooteb.	Dung Trung bộ	g	T
<i>S. lucida</i> (Thunb.) S.&.Z.	Dung sáng	g	T
<i>S. guillauminii</i> Merr.	Dung Guillaumin	T	T
<i>S. megalocarpa</i> Fletcher.	Dung trái to	g	T
<i>S. racemosa</i> Roxb.	Dung chum	T	T
<i>S. glauca</i> (Thunb.) Koidz.	Dung móc (Dung vàng)	G	T
<i>S. longifolia</i> Fleicher.	Dung lá dài(Trắng)	g	T
<i>S. cochinchinensis</i> (Lour.) Moore.Subsp laurina (Retz) Nooteb	Dung lá trà (Dung nam)	g	T
<i>Symplocos sp.</i>	Dung	g	
THEACEAE	129. HỌ TRÀ (CHÈ)		
<i>Adinandra dongnaiensis</i> Gagn.	Súm đông nai (đuôi lươn)	g	
<i>Anneslea fragrans</i> Wall.	Lương xương	g	T
<i>Camellia dormoyana</i> (Pierre.) Sealy	Trà hoa Dormoy	g	
<i>C. flava</i> (Pit.) Sealey.	Trà hoa vàng	T	T
<i>C. piquetiana</i> (Pierre.) Sealy	Trà hoa Piquet	T	
<i>C. krempfii</i> (Gagn.) Sealy.	Trà hoa Krempt	T	
<i>C. pleurocarpa</i> (Gagn.) Sealy	Trà hoa trái mỏng	G	
<i>Eurya japonica</i> Thunb.	Linh (Súm nhật)	T	
<i>E. nitida</i> Korth.	Chè cầu	T	
<i>E. japonica</i> Thunb.	Súm chè (Chơn trà nhật)	T	
<i>Schima wallichii</i> (DC.)Korth.ssp. Noronhae(Bl.) Bloemb.	Sáng sóc nguyên		
<i>Temstroemia kwangtungensis</i> Merr.	Giang Quảng đông	T	
<i>Temstroemia sp.</i>	Giang	g	

TILIACEAE	130. HỌ ĐAY		
<i>Colona thorelii</i> Gagn..	Bồ an Thorel	G	C-T
<i>C.evecta</i> (Pierre.) Gagn.	Châm ron (Bồ an)	G	T
<i>C.evradii</i> Gagn..	Bồ an Evrard	T	T
<i>C.auriculata</i> (H, Baill.) Craib.	Bồ an (Lá tai)	T	T
<i>Corchorus aestuans</i> L..	Bồ dại (Rộp)	C	R
<i>C.capsularis</i> L..	Đay dại (Bồ)	C	T
<i>C.olitolius</i> L..	Bồ (Đai)	C	T
<i>Grewia abutilifolia</i> Vent,ex Juss	Cò ke rừ (Giám lá rộng)	T	T
<i>G.bulot</i> Gagn..	Bù lốt	g	T
<i>G.hirsuta</i> Vahl..	Cò ke lông	T	T
<i>G.celtidifolia</i> Juss..	Cò ke lá sếu	T	T
<i>G.tomentosa</i> Roxb,ex DC..	Cò ke (Chua ke)	g	T
<i>G.astropetala</i> Pierre, var, Laotica Gagn.	Cò ke ào	D	T
<i>Triumfetta bartramia</i> L..	Gai dầu hình thoi	T	T
<i>T.pseudocana</i> Sprague & Craib	Gai dầu lông	T	T
ULMACEAE	131. HỌ DU		
<i>Aphananthe aspera</i> (Thunb.) Pl.	Lát ruối (U hoa nhám)	G	
<i>Celtis cinnamomea</i> Lindl.ex Pl.	Sếu lá quế (Sếu hôi)	g	T
<i>C. tetrandra</i> Roxb.	Ma trá tử hùng	G	T
<i>Gironniera subequalis</i> Pl.	Ngát lông (Kigân bằng)	G	
<i>G. cuspidata</i> (Bl.) ex Kurz.	Ngát trơn (Ba côi)	G	
<i>Trema cannabina</i> Lour.	Trần mai cần	T	T
<i>T. politoria</i> (Pl.) Bl.	Trần mai cần	g	T
<i>T. orientalis</i> (L.) Bl.	Hu đay (Trần mai đồng)	g	T
<i>T. tomentosa</i> (Roxb.) Hara.	Gạch (Trần mai lông)	g	T
URTICACEAE	132. HỌ GAI		
<i>Debregeasia wallichiana</i> (Wedd.) Wedd.	Đề gia Wallich	C	
<i>Laportea interrupta</i> (Gand.) Chew.	Lá han (Cây ngứa)	C	T
<i>Pellionia deveauana</i> N.E.Br.	Tai đá (Phu lệ bò)	C	
<i>L. disepala</i> (Gagn.) Chew.	Mán hai lá dài	C	T
<i>Poikilospermum ananmensis</i> (Gagn.) Merr.	Rum Trung bộ	D	T
<i>P. suaveolens</i> (Bl.) Merr.	Rum thơm	D	
VERBENACEAE	133. HỌ NGŨ TRÁC		
<i>Callicarpa albida</i> Bl.	Tử châu trắng	T	
<i>C. arborea</i> Roxb.	Phà ha (Nàng nàng)	g	T
<i>C. longifolia</i> Lam.	Tử châu lá dài	T	T
<i>C. giraldiana</i> Hesse var. subcanescens Rehd	Tử châu Giralda	T	T
<i>C. candicans</i> (Burm.f.) Hochr.	Tử châu chói trắng	T	T
<i>C. brevipes</i> Hance.	Nàng nàng chân ngắn	T	T
<i>Clerodendrum paniculatum</i> L.	Mò đỏ (Ngọc nữ đỏ)	T	T
<i>C. schmidtii</i> C.B.Cl.	Ngọc nữ Schmidt	T	T
<i>C. tonkinensis</i> P.Dop.	Ngọc nữ Bắc bộ	T	T
<i>C. pierreanum</i> P.Dop.in Lec.	Ngọc nữ Plene	T	T
<i>C. palmatilobatum</i> P.Dop.	Ngọc nữ lá chân vịt	T	T
<i>C. cochinchinensis</i> P.Dop.	Ngọc nữ nam bộ	T	
<i>Congea tomentosa</i> Roxb. Var.subvestita Munir	Lâm nhung áo	D	
<i>Duranta repens</i> L.	Thanh quan	T	T
<i>Glossocarya siamensis</i> Craib.	Ngọc nữ leo	D	
<i>Gmelia asiatica</i> L.	Lôi thọ (Tu hú đông)	T	T
<i>G. philippensis</i> Cham.	Tu hú Philippin	D	T
<i>G. arborea</i> Roxb.	Lôi thọ	g	T
<i>G. elliptica</i> J.E.Sm.	Tu hú bầu dục	g	T
<i>Lantana camara</i> L.	Trâm ổi (Hoa ngũ sắc)	T	
<i>Premna scandens</i> Roxb.	Cách leo	D	
<i>Sphenodesma ferruginea</i> Briq.	Bộ tinh sét	D	

<i>S. griffithiana</i> Wight.	Bội tinh Griffith	D	
<i>S. pierrei</i> P.Dop.	Bội tinh Pierre	D	
<i>S. amethystima</i> P.Dop.	Bội tinh tím	D	
<i>S. pentandra</i> Jack.	Bội tinh ngũ hùng	D	
<i>Tectona grandis</i> L.f.	Giá trị (Tách)	G	T
<i>Vitex glabrata</i> R.Br.	Mả (Đèn 5 lá)	g	T
<i>V. stylosa</i> P.Dop.	Bình linh vòi dài	g	
<i>V. leptobotrys</i> var. <i>evardii</i> P.Dop..	Bình linh Evard	g	
<i>V. pierrei</i> Craib.	Bình linh Pierre	T	
<i>V. quinata</i> (Luor.) Williams.	Mạn kinh	g	T
<i>V. pinnata</i> L.	Bình linh lông	G	T
<i>V. pinata</i> var. <i>ptilosa</i> (Dop.) n.Stat.	Bình linh cánh (Nàng)	G	T
<i>V. ajugaeflora</i> Dop.	Bình linh nghệ	G	T
<i>V. sumatrana</i> var. <i>urceolata</i> King.& Gamble.	Bình linh lục lạc	g	T
<i>V. cannabifolia</i> Sieb.& Zucc.	Ngũ thảo có răng	T	T
<i>V. pierreana</i> P.Dop.	Bình linh đá	g	
<i>V. canescens</i> Kurz.	Ba gát	g	
<i>V. limonifolia</i> Wall.	Bình linh vàng chanh	g	
<i>V. tripinnata</i> (Lour.) Merr.	Mắt cáo	g	
<i>V. stylosa</i> P.Dop.	Bình linh vòi dài	g	
VIOLACEAE	134. HỌ HOA TÍM		
<i>Rinorea anguifera</i> (Lour.) O.ktze.	Quần diệp rắn	g	
<i>R. javanica</i> (Bl.) O. Ktze.	A ban	g	
VITACEAE	135. HỌ NHO		
<i>Ampelocissus martini</i> Pl.in Dc	Hồ nho Martin	D	
<i>Cayratia trifolia</i> (L.) Domino	Vác dây	D	T
<i>C. pedata</i> (Lamk.) Juss.	Vác chân	D	T
<i>Cissus quadrangularis</i> L.	Hồ đẳng bốn cánh	D	T
<i>C. repens</i> Lamk.	Hồ đẳng bò	D	T
<i>C. astrotricha</i> Gagn.	Hồ đẳng lông sao	D	T
<i>C. adnata</i> Roxb.	Dây nôi	D	T
<i>C. subtetragona</i> Pl.	Hồ đẳng vuông	D	T
<i>C. javana</i> Dc.	Hồ đẳng hai màu (Java)	D	T
<i>C. hesangularis</i> Thor.ex Gagn	Hồ đẳng sáu cạnh	D	
<i>Tetrastigma strumarium</i> Gagn.	Tứ thư xấu	D	
<i>T. crassipes</i> Plach.	Tứ thư cọng mập	D	
<i>T. harmandii</i> Pl in DC.	Tứ thư Harmand	D	
<i>T. quadridens</i> Gagn.	Tứ thư bốn răng	D	
<i>T. yunnanensis</i>	Tứ thư Vân nam	D	
<i>T. planicaule</i> (Hook.f.) Gagn.	Tứ thư chân đẹp	D	
<i>T. godefroyanum</i> Pl.	Tứ thư Godefroy	D	
<i>T. touranense</i> Gagn.	Tứ thư Đà nẵng	D	
<i>Vitis flexuosa</i> Thunb.	Nho cong queo	D	T
XANTHOPHYLLACEAE	136. HỌ SẮNG ỚT		
<i>Xanthophyllum glaucum</i> . Wall	Săng ớt mốc (Săng vé)	g	T
<i>Xanthophyllum lanceolatum</i> (Miq.)JJ Sm	Săng ớt thon	T	T
<i>Xanthophyllum colubrinum</i> . Gagn	Săng ớt rắn (Săng da)	g	T
<i>Xanthophyllum cochinchinense</i> . Mayden	Săng ớt nam	g	T
<i>Xanthophyllum excelsum</i> . Bl	Săng ớt cao	g	T
<i>Xanthophyllum eberhardtii</i> . Gagn	Săng ớt Eberhard	g	T
LILIOPSIDA	VI. LỚP MỘT LÁ MẦM		
AGAVACEAE	137. HỌ A GẠO		
<i>Dracaena elliptica</i> . Thunb	Phất dủ bầu dục	C	C-T
<i>Dracaena</i> sp	Phất dủ	T	C
<i>Dracaena gracilis</i> . Wall	Phất dủ mảnh(Hồng sâm)	T	C
AMARYLLIDACEAE	138. HỌ LAN HUỆ		

<i>Crinum ensifolium</i> Roxb..	Náng hoa đỏ	C	C-T
<i>C.asiaticum</i> L..	Tỏi lợi(Chuối nước)	C	T
<i>C.latifolium</i> L..	Tỏi lợi lá rộng	C	T
<i>Curculigo capitulata</i> (Lour.) O. Kizr	Cổ nốc	C	T
<i>C. annamitica</i> Gagn..	Cổ mốc	C	T
<i>C.disticha</i> Gagn..	Cổ nốc Song đính	C	T
<i>C.gracilis</i> Wall..	Cổ nốc mảnh	C	T
ARACEAE	139. HỌ RÁY(MÔN)		
<i>Aglaonema simplex</i> Bl..	Minh ty đơn(Thuốc trắng)	C	
<i>A. ovatum</i> Englerf. Ovatum	Minh ty trứng	C	
<i>A.tenuiper</i> Engler..	Minh ty chân mảnh	C	
<i>A. modestum</i> Schott. Ex. Engler	Minh ty khiêm	C	
<i>A. cochinchinnensis</i> Engler.	Minh ty Nam Bộ	C	
<i>Alcasia odora</i> C.Koch.	Bạc hà	C	R-T
<i>A.evrardii</i> Gagn.	Ráy Evard	C	T
<i>A.macrorrhiza</i> (L)G.Don.	Ráy		T
<i>Amorphophallus mekongensis</i> Engler & Gehrm.	Nửa Cửu long	C	
<i>Colocasia gigantea</i> (Bl.) Hook.f..	Môn to	C	T
<i>C.esculenta</i> (L) Schott..	Môn nước	C	
<i>Cryptosperma merkusii</i> (Hassk.)Schott.		C	
<i>Epipremnum pinnatum</i> (L) Schott.	Ráy ngọt	D	T
<i>E.gigantium</i> Schott.	Thượng cán to	D	
<i>Homalonema occulta</i> (Lour.) Schott.	Thiên niên kiện	C	
<i>H.tonkinensis</i> Engler.	Thiên niên kiện	C	T
<i>H.cochinchinensis</i> Engler.		C	
<i>Lasia spinosa</i> (L.) Thw.	Môn gai(Chóc gai)	C	
<i>Pistia stratiotes</i> L..	Bèo cái	Ts	
<i>Pothos repens</i> (Lour.) Druce.	Ráy bò (Cơm ninh)	D	T
<i>P. scandens</i> L.	Tràng phao dây(Ráy leo)	D	T
<i>P.cachartii</i> Schott.	Ráy Cachcart	D	T
<i>P.yunnanensis</i> Engler.	Ráy Vân nam	D	T
<i>P.gigantipes</i> Buchet.	Ráy thân to	D	T
<i>Pseudodracuntium lacourii</i> N.E.Br.	Nửa Lacous	C	T
<i>P.anamalum</i> N.E.Br..	Nửa bất thường	C	T
<i>P. sp</i>	Nửa	C	T
<i>Rhaphidophora decursiva</i> (Roxb.) Schott.	Trâm dài(Đuôi phượng)	D	T
<i>Remusatia vivipara</i> (Roxb.) Schott.	Ráy mô	C	C
<i>Scindapsus hederaceus</i> Schott.	Dây bá	D	T
<i>S.poilanei</i> Gagn..	Dây bá Poilane	D	T
<i>S.officinalis</i> (Roxb.) Schott.	Dây bá(Ráy dây lá lớn)	D	T
<i>Typhonium flagelliforme</i> (Lodd.) Bl.	Bán hạ roi	C	T
ARECACEAE	140. HỌ CAU DỪA		
<i>Areca triandra</i> Roxb..	Cau dứa(Cau tam hùng)	T	T
<i>A.laosensis</i> Becc..	Cau núi(Cau lèo)	T	T
<i>Calamus salicifolius</i> Becc..	Mây dèo(Mây tắt)	D	T
<i>C. palustris</i> Griff.var.cochinchinensis Becc	Mây tàu	D	T
<i>C.cambodiensis</i> Becc..	Mây cam bột	D	
<i>C.dioicus</i> Lour..	Mây mật(Cật)	D	T
<i>C.dongnaiensis</i> Pierre ex Conrac	Mây Đồng Nai	D	T
<i>C.rudentum</i> Lour..	Song đá(Mây dĩa)	D	T
<i>C. poilanei</i> Conr.	Song bột(Mây pollane)	D	T
<i>C.tenuis</i> Roxb..	Mây mảnh(Mây dạng)	D	T
<i>Caryota urens</i> L..	Móc(Đùng đình ngựa)	g	T
<i>Chrysalidocarpus lutescens</i> Wendl.	Cau kiếng vàng	T	C
<i>Daemonorops pierreanus</i> Becc.	Mây rút	D	
<i>Didmosperma caudatum</i> Wendl&Drude	Song châu đuôi	T	

<i>Korthalsia laciniosa</i> Mart.	Mây tâm võng	D	
<i>Licuala grandis</i> Wendl.	Mật cật to	T	T
<i>L.ternata</i> Griff..	Ra cấp ba	T	T
<i>L.spinosa</i> Wurmb.	Mật cật gai(Ra gai)	T	T
<i>L.paludosa</i> Griff.	Ra lấy	T	T
<i>L.elegans</i> Magalun.	Trụt thanh	T	
<i>Licuala</i> sp	Mật cật(Lá nón)	T	
<i>Livistona saribus</i> (Lour.)Merr.ex Chev..	Kè đồ(Kè nam)	g	
<i>Pinanga quadrijuga</i> Gagn..	Cau chuột bốn nhánh	T	T
<i>P.paradoxa</i> Scheff..	Cau chuột ngược	T	T
<i>P.annamensis</i> Magalon.	Cau chuột Trung bộ	T	T
<i>Phoenix humilis</i> Rovele.	Chà là nhỏ	T	
BURMANNIACEAE	141. HỌ CÀO CÀO		
<i>Burmannia luteo-alba</i> Gagn..	Cào cào vàng trắng	C	
BROMELIACEAE	142. HỌ KHÓM		
<i>Ananas comosus</i> (L.)Merr..	Thơm(Khóm)	C	T
COMMELINACEAE	143. HỌ RAU TRAI		
<i>Amischolotype mollissima, monosperma</i> (C.B.CL..)..	Lâm trai một hạt	C	T
<i>Commelina diffusa</i> Burm.F.	Rau trai(Thài lài trắng)	C	T
<i>C.kurzii</i> C.B.CL..	Trai Kur	C	
<i>C.communis</i> L..	Thài lài trắng(Trai thường)	C	T
<i>Dictyospermum ovalifolium</i> Wight..	Loã trai lá xoan	C	T
<i>D.montanum</i> Wight..	Loã trai núi	C	T
<i>Murdannia edulis</i> (Stocks)Faden.	Loã trai ngọt	C	T
<i>Floscopa glabratus</i> Hassk..	Đầu riều không lông	C	
<i>Pollia hasskarlii</i> R.Rao.	Bôn Haskari(Sâm nam)	T	T
<i>Rhopalephora scaberrima</i> (BL.)	Loã trai nhám	C	T
<i>Polliz secundiflora</i> (Bl.)Bakz.f.	Bên tạt	C	
CYPERACEAE	144. HỌ CỎI (LÁC)		
<i>Carex indica</i> L..	Kiết ần (Lác râu)	C	
<i>C.hebercapa</i> C,A,Mey.	Kiết trái tà	C	
<i>C.rufohispidula</i> Raym..	Kiết lông hung	C	
<i>C.lenta</i> D.Don..	Kiết chậm	C	
<i>Cyperus brevicaulis</i> Clarke.	U du thân ngắn	C	T
<i>C.digitatus</i> Roxb..	Lác tay (Lác tía)	C	T
<i>C.malaccensis</i> Lam..	Lác nước	C	T
<i>C.sphacelatus</i> Rottb.	U du phù	C	T
<i>C.rotundus</i> L..	Củ gấu (Hương phụ)	C	
<i>C.serotinus</i> Rottb..	Lác muộn	C	
<i>C.platystylis</i> R.Br..	Lác vôi đẹp	C	
<i>C.diffusus</i> Vahl..	Lác tràn	C	T
<i>C.pilosus</i> Vahl..	Lác lông	C	
<i>C.trialatus</i> (Boeck.)Kern..	Lác ba cạnh	C	
<i>C.cephalotes</i> Vahl..	Cú đầu	C	T
<i>C.nutans</i> Vahl..	U du nghiên	C	T
<i>C.distans</i> L..	U du thưa	C	T
<i>C.digitatus</i> Roxb..	U du tía	C	T
<i>C dives</i> Delile..	U du giàu	C	T
<i>C.imbricatus</i> Retz..	U du kết lợp	C	T
<i>C.grandis</i>	U du to	C	T
<i>C.elatus</i> L..	U du	C	T
<i>Hypolytrum nemorum</i> (Vahl.) Spreng.	Xà căn núi (Hạ sĩ rừng)	C	
<i>Fimbristylis hookeriana</i> Boesk.	Mao thú Hook	C	T
<i>F.complanata</i> (Retz.) Link.	Mao thú đẹp	C	T
<i>F.falcata</i> (Vahl.) Kunth.	Mao thú cong	C	T
<i>F.malayana</i> Ohwi.	Mao thú Mã lai	C	T

<i>F.subalata</i> Kern.	Mao thu cánh	C	T
<i>F.bisumbellata</i> (Forssk.) Urb.	Mao thu 2 tán	C	T
<i>F.griffithii</i> Boeck..	Mao thu Griffith	C	T
<i>F.ferruginea</i> (L.) Vahl..	Mao thu sét	C	T
<i>F.lasiophylla</i> Kern..	Mao thu láng	C	T
<i>Kyllinga sesquiflora</i> Torr..	Bạc đầu hoa một rưỡi	C	T
<i>K.nemoralis</i> (J.R&G.Forst.) Dandy ex Hutch.	Cối bạc đầu	C	T
<i>Mapania elegans</i> E.G.Cam..	Lác dứa thanh	C	
<i>M.kurzii</i> C.B.Cl..	Lác dứa Kurz	C	
<i>Rhynchospora corymbosa</i> (L.) Britton.	Chùy tử tản phong	C	
<i>Scleria leewis</i> Retzius.	Cương láng(Cỏ 3 cạnh)	C	
<i>S.terrestris</i> (L.)Fassett.	Cương đất	C	
<i>S.caricina</i> (R.Br.)Benth.	Cương chụm	C	
<i>Scirpus grossus</i> Lf..	Lác hến	C	
<i>S.fluviatilis</i> (Torr.) Gray.	Hoàng thảo	C	
<i>S.wichurai</i> Boeck.	Hoàng thảo núi	C	
<i>S.tenatanus</i> Reinw.exMiq.	Hoàng thảo bộ ba	C	
DIOSCOREACEA	145.HỌ CỦ MÀI		
<i>Dioscorea kratica</i> Prain & Burk..	Khoai mọi	D	T
<i>D.petelotti</i> Prainin & Bruck..	Từ Petelos	C	T
<i>D.bulbifera</i> L..	Củ dái	D	T
<i>D.persimilis</i> Prain & Bruck..	Củ mài (Hoài sơn)	D	T
ERIOCAULONACEAE	146.HỌ CỎ DÙI TRỐNG		
<i>Eriocaulon longifolium</i> Nees.	Cỏ dùi trống lá dài	C	
FLAGELAIACEAE	147.HỌ MÂY NƯỚC		
<i>Flagellaria indica</i> L.	Mây nước	D	T
HYDROCHARITACEAE	148.HỌ THUỶ THẮC		
<i>Ottelia alismoides</i> (L.)Pers..	Mã đề nước(At tiên)	T	T
LILIACEAE	149.HỌ BẠCH HUỆ		
<i>Gloriosa superba</i> L..	Ngót ngào	C	T
LOWIACEAE	150.HỌ HÚNG LAN		
<i>Onchidanthera vietnamensis</i> K. Larsen.	Húng lan việt	T	
MARANTACEAE	151.HỌ CỎ DONG		
<i>Clathea cf. clossoni</i> Hort..	Dong tía(Huỳnh tích rần)	T	
<i>C.lietzei</i> Morren..	Dong riêng (Củ dong)	C	T
<i>Donax cannaeformis</i> K. Schun..	Dong lùn	T	T
<i>Halopegia blumei</i> (Keorn.)K. Schun.	Dong nam	T	
<i>Maranta arundinaceae</i> L..	Huỳnh tinh	C	T
<i>Phrynium thorelii</i> Gagn.	Dong Thorel	C	
<i>P.dispermum</i> Gagn..	Dong nếp	C	
<i>Schunmannianthus dichotomum</i> Gagn..	Lùm nước (Mai nước)	T	T
MUSACEAE	152.HỌ CHUỐI		
<i>Musa acuminata</i> Colla.	Chuối rừng (Chuối hoang)	T	
<i>M.paradisiaca</i> L..	Chuối tây	T	T
<i>M.nana</i> Lour..	Chuối tiêu (Chuối già lùn)	T	T
ORCHIDACEAE	153. HỌ LAN		
<i>Acampe ochracea</i> (Lindl.) Hochr	Lan bắp ngô (A cam sét)	Ps	C
<i>A. carinata</i> (Griff.) Panigr	A cam sóng	Ps	C
<i>Acriopsis javanica</i> Reirw.	Lan tổ yến Java	Ps	C
<i>Aerides odorata</i> Lour.	Lan giáng hương (Lan quế)	Ps	C
<i>A.rocea</i> Lodd. Ex Lindd & Pax	Giáng xuân nhiều hoa	Ps	C
<i>Agrostophyllum planicaule</i> (Lindl.) Reichb.f.	Xích hủ thân hẹp	Ps	C
<i>Apostasia nuda</i> & Br.in Wall.	Lan giả (Cỏ lan trâu)	Ps	C
<i>Arachnis annamensis</i> (Rolfe) j.j Smith.	Vũ nữ (Bò cạp tía)	Ps	C
<i>Ascocentron miniatum</i> (Lintt.) Schitn.	Lan hỏa hoàng	Ps	C

<i>Biermannia sigaldii</i> Seidenf.	Lan bạch mạch	Ps	C
<i>Bulbophyllum macranthum</i> Lindl.	Cầu hình hoa to	Ps	C
<i>B. refractum</i> (Zoll.&Mor.) Reichbf.	Cầu điệp thông	Ps	C
<i>B. morphologorum</i> Kraenzl.	Cầu nành	Ps	C
<i>B. concinnum</i> Hook.f.	Cầu điệp xinh	Ps	C
<i>B. mastersianum</i> (Rolfe) j.j Smith.	Cầu điệp vàng (Lọng đỏ)	Ps	C
<i>B. reptans</i> (Lindl.) Lindl	Cầu điệp bò	Ps	C
<i>B. dadyanum</i> Reichb.f..	Cầu điệp Dadyan	Ps	C
<i>B. careyanum</i> (Hookf.) Spreng.	Cầu điệp trên vùng	Ps	C
<i>B. elassonotum</i> Summerh.	Cầu hành ít biết	Ps	C
<i>B. hymenanthum</i> Hook.f.	Cầu điệp màng	Ps	C
<i>B. rufinulum</i> Reichb.f.	Cầu điệp cáo	Ps	C
<i>B. sessile</i> (Koenig.) j.j. smith.	Cầu điệp không cong	Ps	C
<i>Coelogyne flacelda</i> Lindl.	Thạch đạm mềm	Ps	C
<i>Cephalantheropsis gracilis</i> (Lindl.) Hu	Trung lan	Ps	C
<i>Cleisostoma inflatum</i> (Rolfe) Garay.	Nhục lan phù	Ps	C
<i>C. birmanicum</i> (Shltr.) Garay.	Mật khẩu Miến Điện	Ps	C
<i>C. armigera</i> King & Pantl.	Mật khẩu bảo vệ	Ps	C
<i>C. williamsonii</i> (Reichb.f.) Garay	Mật khẩu Wiliamson	Ps	C
<i>C. paniculatum</i> (Ker.Gawl.) Garay	Mật khẩu chùm tự tán	Ps	C
<i>C. racemiferum</i> (Lindl.) Garay	Mật khẩu chia nhánh	Ps	C
<i>C. chantaburiense</i> Seidenf.	Mật khẩu Chantaburi	Ps	C
<i>Coelogyne brachyptera</i> Richb.f.	Hoàng bạch (Thạch đạm)	Ps	C
<i>C. massangeana</i> Rechb.f.	Lan hoàng yến	Ps	C
<i>C. calcico</i> A.F.G.Kerr.	Thạch đạm vôi	Ps	C
<i>C. speciosa</i> Bl.	Hoàng hạc lớn	Ps	C
<i>C. nitida</i> (D.Don.) Lindl.	Hoàng hạc chấm	Ps	C
<i>C. lawrenceana</i> Rolle.	Hoàng hạc (Hoàng long)	Ps	C
<i>C. trinervis</i> Lindl.	Thạch đạm ba gân	Ps	C
<i>C. punctulata</i> Lindl.	Hoàng lạc chấm	Ps	C
<i>Cymbidium dayanum</i> Reichb.f.	Lan bích ngọc	Ps	C
<i>C. aloifolium</i> (L.) Sw.	Đoán kiểm lô hội	Ps	C
<i>Dendrobium acinaciforme</i> Roxb.	Thạch hộc lá gươm	Ps	C
<i>D. aduncum</i> Walt. Ex Lindl.	Hồng cầu	Ps	C
<i>D. aloifolium</i> (Bl.) Reichb.f.	Móng rồng (Phiến đơn)	Ps	C
<i>D. crystallinum</i> Reichb.f.	Ngọc vụn phalê	Ps	C
<i>D. crepidatum</i> Lindl.&Paxt.	Ngọc vụn sấp	Ps	C
<i>D. delacourii</i> Gouill.	Điều lan	Ps	C
<i>D. palpebrae</i> Lindl.	Thủy tiên trắng	Ps	C
<i>D. thyrsiflorum</i> Reichb.f.	Thủy tiên mõ gà	Ps	C
<i>D. haryeyanum</i> Reichb.f.	Thủy tiên tua	Ps	C
<i>D. gratiosissimum</i> Reichb.f.	Lan ý thảo	Ps	C
<i>D. hercoglossum</i> Reichb .f.	Mũi câu	Ps	C
<i>D. stuartii</i> Bailey.	Lan từ ngọc	Ps	C
<i>D. leonis</i> (Lindl.) Reichb.f.	Sủ trầm	Ps	C
<i>D. nobile</i> Lindl.	Hoàng thảo (Thạch mộc)	Ps	C
<i>D. podagraria</i> Hook.f.	Tiểu thạch hộc	Ps	C
<i>D. faulhaberianum</i> Schltr.	Bạch trúc	Ps	C
<i>D. exile</i> Schlechter.	Thạch hộc	Ps	C
<i>D. cretaceum</i> Lindl.	Thạch hộc vôi	Ps	C
<i>D. oligophyllum</i> Gagn.	Hương duyên	Ps	C
<i>D. pachyglossum</i> Par.&Reichb.f.	Mộc lan lưới dày	Ps	C
<i>D. caryaecolum</i> Guill.	Vừng sinh	Ps	C
<i>D. crumenatum</i> Sw.	Tuyết mai (Thạch hộc)	Ps	C
<i>D. salaccense</i> (Bl.) Lindl.	Mộc lan sa lặc	Ps	C
<i>D. heterocarpum</i> Lindl.	Nhất điểm hoàng	Ps	C

<i>D. chrysotoxum</i> Lindl.	Kim điệp	Ps	C
<i>D. secum dum</i> (Bl.) Lindl.	Báo hỉ	Ps	C
<i>D. anceps</i> Sw.	Lan móng rùa	Ps	C
<i>D. lindleyi steudel</i>	Vây cá (Vây rấn)	Ps	C
<i>Eria bractescens</i> Lindl.	Nỉ lan lá hoa	Ps	C
<i>E. tomentosa</i> (Koenig.) Hook.f.	Nỉ lan nhung	Ps	C
<i>E. pubescens</i> (Hook.) Stend.	Nỉ lan lông	Ps	C
<i>Erythrorchis ochobiensis</i> (Hay.) Garay.	Xích lan	Ps	C
<i>Gastrochilus intermedius</i> (Lindl.) O.Ktze.	Lan túi thơ trung gian	Ps	C
<i>G. pseudodistichous</i> (King&Pantl.) Schltr.	Túi thơ song đỉnh	Ps	C
<i>Flickingeria fimbriata</i> (Bl.) Hawkes.		Ps	C
<i>Kingidium deliciossum</i> (Reichb.f.) Sweet.	Hồ điệp giả	Ps	C
<i>Liparis viridiflora</i> Bl.	Lan nhân điệp hoa xanh	Ps	C
<i>Luisia tmorsei</i> Rolfe.	Lan lụi Morse	Ps	C
<i>L.zollingeri</i> Reichb.f.	Lụi Zollinger	Ps	C
<i>L. brachystachys</i> (Lindl.) Bl.	Lụi chùm ngắn	Ps	C
<i>L. curtisii</i> Seident.	Curtls	Ps	C
<i>Malleola insectifera</i> (JJ.Sm) JJ.Sm& Schltr.	Lan ruồi (Nhãn ngư)	Ps	C
<i>Malaxis acuminata</i> D. Don.	Ái lan nhọn	Ps	C
<i>M. octodentata</i> Seiden.f.	Ái lan tám răng	Ps	C
<i>Micropera pallida</i> (Roxb.) Lindl.	Vi túi tai	Ps	C
<i>Oberonia anceps</i> Lindl.	Móng rùa hai đầu	Ps	C
<i>O. iridifolia</i> (Roxb.) Lindl.	Móng rùa iris	Ps	C
<i>O. rufiladris</i> Lindl.	Móng rùa môi đỏ	Ps	C
<i>O. trochopetala</i> Guill.	Móng rùa	Ps	C
<i>Oraithochilus difformis</i> (Lindl.) Schlii.	Lan điều thiệt	Ps	C
<i>Pelatantheria ctenoglossum</i> Ridl.	Bạt lan trám (Lan môi râu)	Ps	C
<i>Pholidota guibertiae</i> Fin.	Đài tiên xanh (Tục đoạn)	Ps	C
<i>P. articulata</i> Lindl.	Tục đoạn khế	Ps	C
<i>P. imbricata</i> Roxb . Ex. Hook .f.	Tục đoạn kết hợp	Ps	C
<i>P. bracteata</i> (D.Don.) Seiden.f.	Đuôi phượng	Ps	C
<i>Phalenopsis cornu-cervi</i> (Breda) Bl.	Sừng nai (Hồ điệp dẹt)	Ps	C
<i>P. gibbosa</i> Sweet.	Bướm bầu	Ps	C
<i>Polystachya concreta</i> (Jacq.) Garay & S.	Da phượng	Ps	C
<i>Pomatocalpa</i> sp	Thủy ly	Ps	C
<i>Rhynchosstylis coelestis</i> Reichb .J.	Cờ lao (Ngọc điểm)	Ps	C
<i>R. gigantea</i> (Lindl.) Ridl.	Lan lưới bò (Ngọc điểm)	Ps	C
<i>Robiquetia spatulata</i> (Bl.) J.J.Smith.	Lan Phú quốc (Lỗ bi)	Ps	C
<i>Sarcoglyphis mirabilis</i> (Reichb.f.) Garay	Lan nhục mẫu	Ps	C
<i>Staurochilus fasciatus</i> (Reichb.) Ridl.	Hổ bi (Quế lan hương)	Ps	C
<i>Taeniophyllum obtusum</i> Bl.	Dại điệp (Dại điệp tà)	Ps	C
<i>Thelasis pygmea</i> (Griff.) Lindl.	Lan củ lùn dẹt	Ps	C
<i>Thrixspermum centipeda</i> Lour.	Lan xương cá (Mao tử rít)	Ps	C
<i>T. trichoglottis</i> (Hook.f.) O. Ktze.	Mao tử lưới có lông	Ps	C
<i>T. hytrix</i> (Bl.) Reichb .f.	Mao tử nhiễm	Ps	C
<i>Thrixspermum</i> sp.	Mao tử Nam Cát Tiên	Ps	C
<i>Thunia alba</i> (Lindl.) Reichb.f.	Hạc đỉnh trắng	Ps	C
<i>Trichotosia pulvinata</i> (Lindl.) Kraenzl.	Mao lan gối	Ps	C
<i>T. dassyphylla</i> (Par.&Reichb.f.) Kraenzl.	Mao lan lá nhung (Lông)	Ps	C
<i>Trichglottis retusa</i> Bl.	Mao thiệt tà	Ps	C
<i>Trias nasuta</i> (Reichb.f.) Stapt.	Ba lan mũi nhọn (Lan ba lá)	Ps	C
<i>Vanda doritoides</i> Guill.	Lan huệ đà	Ps	C
<i>Vanilla aphylla</i> . Bl.	Va ni không lá	Ps	C
PANDANACEAE	154. HỌ DỪA GAI		
<i>Pandanus humilis</i> Lour.	Dừa nhỏ	T	
<i>P. capusii</i> Mart	Dừa nhiễm	T	

<i>P. urophyllus</i> Hance	Dứa duôi	T	
<i>P. cornifer</i> St.John.	Dứa sừng	T	
<i>Pandanus</i> sp.	Dứa dại (Dứa Bắc bộ)	T	T
POACEAE	155. HỌ CỎ		
<i>Acroceras munroanum</i> (Bal.) Henr.	Cỏ lá tre	C	T
<i>Aniselytron treutleri</i> (O.Ktze.) Sojak.	Cỏ di đình	C	
<i>Aniselytron</i> sp.	Cỏ di đình	C	
<i>Arundo donax</i> Bl.	Sậy núi	C	T
<i>Axonopus compressus</i> (Sw.) P.Beauv.	Cỏ lá gừng	C	T
<i>Bambusa procera</i> A.Chev.& A Cam.	Lồ ô	g	
<i>B.blumeana</i> Schultes.	Tre gai (Tre la ngà)	T	
<i>B. bambos</i> (L.) Voss.	Tre lộc ngọc (Tre gai rừng)	g	T
<i>B. balcoa</i> Roxb.	Tre lồ ô	T	
<i>B. flexuosa</i> Schultes.	Tre gai nhỏ	T	
<i>B. chirostachyoides</i> Kurz ex. Gamble	Nứa	T	
<i>Brachiaria eruciformis</i> (J.E.Sw.) Griseb.	Vĩ thảo dạng sâu	C	
<i>B. paspaloides</i> (Presl.) C.E.Hubb.	Cỏ vĩ thảo san	C	
<i>Cephalostachyum virgatum</i> Kurz.	Dinh trú cong (Lồ ô)	C	
<i>Chrysopogon crevostii</i> A.Cam.	Cỏ may	C	T
<i>Cynodon dactylon</i> (L.) Pers.	Cỏ chỉ	C	
<i>C. arcuatus</i> Presl.	Cỏ chỉ cong	C	
<i>Cyrtococcum patens</i> (L.) A. Cam.	Cầu đình bò	C	
<i>Dactyloctenium aegyptiacum</i> (L.) Willd.	Cỏ chân gà	C	
<i>Digitaria violascens</i> Link.	Túc hình (Cỏ chỉ tím)	C	
<i>D. setigera</i> Roth.ex Roem.&Sch.var Setigera	Túc hình tơ	C	
<i>D. bicornis</i> (Lam.) Roem& Sch.	Cỏ túc hình hai sừng	C	
<i>D. timorensis</i> (Kunth.) Bal.	Túc hình đảo Timor	C	
<i>D. petelotti</i> Henry.	Túc hình Patelot	C	
<i>Echinochloa procera</i> (Retz.) Hubb.	Cỏ mật	C	
<i>E. crus-galli</i> (L.) P.Beauvois.	Cỏ lông vục	C	
<i>Eulalia velutina</i> O.Ktze.	Cỏ cát vĩ lông	C	
<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaertn.	Mần trâu	C	T
<i>Eragrostis pilosa</i> (L.) P. Beauv.	Cỏ tinh thảo lông	C	
<i>E. unioloides</i> (Retz.) Nees.ex Stend	Tinh thảo đỏ	C	
<i>E. cilianensis</i> (All.) Lindl.	Tinh thảo hôi	C	
<i>Eremochloa ciliaris</i> (L.) Merr.	Cỏ trứng nhện - Bần thảo rìa	C	
<i>Erianthus arundinaceus</i> (Retz.) Jeswiell.	Lau (đế)	T	
<i>Gigantochloa cochinchinensis</i> A.Cam.	Tre Nam bộ	T	
<i>Gigantochloa nigro-ciliata</i> (Buse.) Kurz.	Tre rìa đen	g	
<i>Gigantochloa</i> sp.	Mum	T	
<i>Hymenachne acutigluma</i> Gilliland.	Cỏ mồm mỡ	C	
<i>Imperata cylindrica</i> (L.) P. Beauv.	Cỏ tranh	C	T
<i>Ischaemum rugosum</i> Salisb.	Cỏ mồm u	C	
<i>I. barbatum</i> var <i>lodiculare</i> (Nees.) Jans.	Cỏ mồm nốt	C	
<i>Kerriochloa siamensis</i> Hub.	Cỏ kê thảo	C	
<i>Narenga porphyrocoma</i> (Hance.) Bor.	Hồng lô	C	
<i>Oryza sativa</i> L.	Lúa	C	
<i>Oxytenanthera stockessi</i> Burre.	Le	T	
<i>O. albociliata</i> Munro.	Le lông trắng (May lai)	T	T
<i>O. tenuispiculata</i> A.Cam.	Tre ba lá	C	
<i>Oplismenus compositus</i> (L.) P.Beauv.	Tu thảo đều	C	
<i>Panicum repens</i> L.	Cỏ ống (Cỏ cựa gà)	C	
<i>P. maximum</i> Jacq.	Kê to	C	
<i>P. paludosum</i> Roxb.	Kê nước	C	
<i>P. wallense</i> Mez.	Kê cao	C	
<i>Paspalum paspalodes</i> Scribn.	San nước	C	

<i>P. commersonii</i> Lamk.	San trứng	C	
<i>P. longifolium</i> Roxb.	Cỏ đắng lá dài (San lá dài)	C	
<i>P. scrobiculatum</i> L.	Cỏ đắng (San tròn)	C	
<i>P. conjugatum</i> Berg.	Cỏ san sát (San cặp)	C	
<i>Paspalidium punctatum</i> : (Burm .f.) A.Cam.	Cỏ sâu đóm	C	
<i>Pennisetum polystachyon</i> N(L.) Schult.	Cỏ mỹ (Đuôi voi nhiều gốc)	C	
<i>P. purpureum</i> Schumach.	Cỏ đuôi voi	C	
<i>P. alopecuroides</i> (L.) Spreng.	Cỏ đuôi voi tím	C	
<i>P. setaceum</i> Forssk.	Cỏ đuôi voi tơ	C	
<i>Phragmites vallisneria</i> (L.) Veldk.	Sậy	T	
<i>Pseudoraphis brunoniana</i> Griff.	Cỏ gạo (Nhấn trực)	C	
<i>Rottboellia cochinchinensis</i> (Lour.) W.D.Clayt.	Cỏ lắt léo	C	
<i>Saccharum officinarum</i> L.	Mía	C	
<i>S. spontaneum</i> L.	Lách	C	
<i>Sacciolepis myosuroides</i> (R.Br.) A.Cam	Cỏ bắc đuôi chuột	C	
<i>Setaria viridis</i> (L.) P. Beauv.	Cỏ đuôi chó	C	
<i>S. palmifolia</i> (Koen.) Staf .f.	Đuôi chồn tre (Cỏ sâu róm)	C	
<i>S. pallide-fusca</i> (Schum.) Stap.f.& Hubb	Cỏ đuôi chồn	C	
<i>Schizostachyum aciculare</i> Gamble.	Núa nhỏ	T	
<i>Thysanolaena maxima</i> (Borb.) O. Kize	Chít, dót	C	T
<i>Zea mays</i> L...	Bắp (Ngô)	C	T
PONTEDERIACEAE	156. HỌ LỤC BÌNH		
<i>Monochoria hastata</i> (L.) Solms.	Chóc lá thon	C	
<i>M. vaginalis</i> (Burm.f.) Presl.	Rau mác lao	C	
SMILACACEAE	157. HỌ KIM CANG		
<i>Smilax prolifera</i> Roxb.ex Kunth	Kim cang sanh sôi	D	T
<i>S. bracteata</i> Prest.	Kim cang lá hoa	D	T
<i>S. corbularia</i> subsp. <i>synandra</i> (Gagn.) Koy..	Kim cang liên hùng	D	T
<i>S. ovalifolia</i> Roxb.	Kim cang lá xoan	D	T
<i>S. luzonensis</i> Prest.	Kim cang Luzon	D	T
STEMONACEAE	158. HỌ BÁCH BỘ		
<i>Stemona pierrei</i> Gagn.	Bách bộ Pierre	D	T
<i>S. tuberosa</i> Lour.	Bách bộ củ	D	T
ZINGIBERACEAE	159. HỌ GỪNG		
<i>Alpinia globosa</i> (Lour.) Horaninov	Riềng sẻ lớn (Mè tré)	C	T
<i>A. conchigera</i> Griff.	Riềng rừng	C	T
<i>A. siamensis</i> K.Schum.	Riềng xiêm	C	
<i>A. chinensis</i> (Retz.) Roscoe.	Lương khương	C	
<i>Amomum villosum</i> Lour.	Mè tré bà	C	T
<i>Amomum villosum</i> var. <i>xanthoides</i> (Wall.) Hu.	Sa nhân (Hu)	C	T
<i>Boesenbergia rotunda</i> (L.) Mans.f.	Bông nga truat	C	
<i>Catimbum bracteatum</i> Roxb.	Riềng bẹ	C	
<i>C. muticum</i> (Roxb.) Hott.	Riềng không mũ	C	
<i>C. breviligulatum</i> (Gagn.) Phamh.	Riềng mép ngắn	C	
<i>Costus speciosus</i> Smith.	Chóc (Mía dò) hoa trắng	C	T
<i>Costus</i> sp.	Mía dò (Cát lỏi)	C	
<i>Curcuma cochinchinensis</i> Gap.	Nghệ Nam bộ	C	T
<i>C. rubens</i> .	Ngãi tía	C	
<i>C. thorelii</i> Gagn.	Nghệ rừng (Nghệ Thorel)	C	T
<i>Elettaria cardamomum</i> (L.) Maton.	Tiêu dậu khấu	C	
<i>Elinggera littoralis</i> (Konig) Giseke.		C	
<i>Globba annamensis</i> Gagn.	Lô ba trung bộ	C	
<i>G. pendula</i> Roxb.	Lô ba treo	C	
<i>Hedychium bousigonianum</i> Pierre ex Gagn	Ngãi tiên Bousigon	C	
<i>H. poilanei</i>	Ngãi tiên Poilane	C	
<i>H. gardnerianum</i> roscoe	Ngãi tiên Gardner	C	

<i>Kaempferia galanga</i> L.	Thiên liên (Địa liên)	C	T
<i>K. cochinchinensis</i> Gagn.	Thiên liên Nam bộ	C	
<i>Phaeomeria</i> sp.	Phaeomeria	C	
<i>Zingiber acuminatum</i> Valetton.	Gừng nhọn	C	T
<i>Z. monophyllum</i> Gagn.	Gừng một lá	C	
<i>Z. purpureum</i> Roseoe.	Gừng tía	C	T
<i>Z. zerumbet</i> (L.) J.E.Sm.	Gừng gió (Gừng mật)	C	T

Ghi chú:

Dạng sống thực vật (Ds)

Gỗ lớn (G)

Gỗ nhỏ (g)

Cy tiêu mộc (bụi): (T)

Dy leo (D)

Cỏ (C)

Thực vật phụ sinh (Phụ sinh, kí sinh, thủy sinh) (Ps - Ts)

Khuyết thực vật (K)

Công dụng (Cd)

Cy thuốc (T)

Cy cảnh (C)

Cy ăn trái (Q)

Cy cho dầu (D)

Cy cho rau (R)

Tất cả tên họ, tên chi, tên loài thực vật (kể cả tên gọi Việt Nam và tên khoa học) đều thống nhất sử dụng trong tập Cây cỏ Việt Nam của GS. Phạm Hoàng Hộ (1993).

Mã số các loài thực vật trong tập Cây cỏ Việt Nam của GS. Phạm Hoàng Hộ (1993)

Những cây sp. chưa xác định loài, không có mã số trong danh lục này